

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: Y HỌC DỰ PHÒNG

Mã số: 8720110

HẢI PHÒNG, 2025

Số: 650 /TTr-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ

Ngành: Y học dự phòng

Mã số: 8720110

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Nhà trường đã xây dựng đề án mở ngành Y học dự phòng trình độ thạc sĩ mã số 8720110, với các nội dung cụ thể sau:

1. Lý do đề nghị cho phép mở mã ngành đào tạo

Trong những năm gần đây, các bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi xảy ra khắp nơi và diễn biến phức tạp gây nên sự lo lắng và quan tâm lớn của cộng đồng. Ví dụ như từ năm 2020, đại dịch COVID-19 đã và đang hoành hành khắp nơi trên thế giới, gây tổn thất lớn về người và tiêu hao nhiều nguồn lực của xã hội. Một số dịch bệnh đã được cơ bản kiểm soát tốt nhưng vẫn có nguy cơ tiềm ẩn bùng phát trở lại liên quan đến các vấn đề thời sự như thảm họa, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... Đây là mối lo ngại thường trực bên cạnh sự phát triển của các bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, tiểu đường, ung thư...

Bên cạnh đó, Việt Nam đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhiều thách thức lớn đang đặt ra cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân cũng như xây dựng và phát triển ngành, do đó vai trò của Y học dự phòng (YHDP) trở nên đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, nhân lực ngành YHDP còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao, số cán bộ được đào tạo chuyên YHDP còn ít; tuyển trung ương mới đáp ứng được 77% nhu cầu, tuyển tỉnh đáp ứng được 54% nhu cầu, tuyển huyện đáp ứng 41,6% nhu cầu. Sự mất cân đối về cơ cấu và phân bố không đều nguồn nhân lực y tế thể hiện rất rõ trong lĩnh vực YHDP. Tỷ lệ nhân lực YHDP trong tổng số nhân lực ngành Y rất thấp, đặc biệt ở các khu vực phát triển, nơi có nhiều bệnh viện lớn, số cán bộ điều trị nhiều gấp 6 lần cán bộ hệ YHDP. Đây là điều bất hợp lý với phương châm “xây dựng nền y tế hiện đại theo định hướng y học dự phòng” của nước ta (Bộ Y tế - Niên giám Y tế năm 2017 – 2018). Hơn nữa, theo Đề án quy hoạch

phát triển nhân lực YHDP giai đoạn 2011 – 2020, chỉ tiêu đào tạo hệ YHDP hằng năm thấp hơn nhiều so với hệ điều trị, chiếm khoảng 10 – 15% tổng số chỉ tiêu đào tạo ngành Y (*Bộ Y tế - Quy hoạch phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2011 – 2020*). Đối với loại hình đào tạo cử tuyển hoặc đào tạo theo hợp đồng có địa chỉ, các địa phương thường đăng ký đào tạo hệ điều trị, rất ít đăng ký đào tạo hệ YHDP. Hầu hết bác sỹ của hệ YHDP đều từ hệ điều trị chuyển sang, thiếu những người được đào tạo chính quy, đúng chuyên ngành về YHDP.

Trước thực trạng trên, Đảng, Nhà nước và Bộ Y tế đang rất nỗ lực đề ra những giải pháp nhằm nâng cao nguồn nhân lực YHDP, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực có trình độ cho Y tế dự phòng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc xây dựng hệ thống y tế trong tương lai. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới nêu rõ quan điểm: xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập theo phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng...

2. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập từ năm 1979, trên cơ sở Phân hiệu của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng. Ngày 25/01/1999, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Bộ Y tế trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng. Ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2153/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Trường đã phát triển trở thành Trường đào tạo đa ngành khối ngành Sức khỏe đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế chất lượng cao góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Đến năm 2025, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có 817 cán bộ, giảng viên, trong đó 437 cán bộ cơ hữu gồm 03 Giáo sư; 23 Phó giáo sư, 77 Tiến sĩ và BS CKII, 237 thạc sĩ, 97 Bác sĩ. Hiện Trường cũng đã quy tụ được hàng chục GS, PGS, TS tham gia giảng dạy kiêm chức đang giữ các cương vị công tác như Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng/Phó Khoa phòng tại các bệnh viện thực hành trong thành phố hoặc đã đến tuổi nghỉ hưu. Hiện tại trường có 12 Phòng, Ban chức năng, 9 khoa, 29 Bộ môn trực thuộc trường, 8 đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu, 4 Trung tâm, 1 Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 khoa, phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và khám chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ Tiến sĩ từ năm 2011 theo Quyết định số 4386/QĐ-GDĐT ngày 23/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo. Trường hiện đang đào tạo 4 ngành và chuyên ngành gồm Y tế công

cộng, Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa. Số Nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp là 19 và hiện có 31 Nghiên cứu sinh đang theo các chương trình đào tạo.

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ Đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hiện tại, Trường được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ 8 chuyên ngành gồm Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng, Y học biển, Dược lý và Dược lâm sàng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học và Điều dưỡng. Số học viên đã tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ 346 học viên và số học viên đang theo học là 112 học viên.

Trường nhận nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I từ năm 1995 và tới nay có 23 mã ngành đào tạo Chuyên khoa I; Đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa II từ năm 2007 gồm 16 mã ngành, đào tạo Bác sĩ Nội trú từ năm 2008 gồm 6 mã ngành. Từ năm 2016 đến nay, trường đã đào tạo và cấp bằng cho 723 Bác sĩ chuyên khoa I, 215 Bác sĩ chuyên khoa II và 91 Bác sĩ Nội trú. Hoạt động đào tạo Sau Đại học thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng theo chuẩn đầu ra đối với từng chuyên ngành do Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội, đảm bảo tính kế thừa và phát triển trong từng giai đoạn.

Trường đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Đại học 7 mã ngành gồm Y khoa, Y học dự phòng, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Điều dưỡng, Xét nghiệm Y học và Dược học. Ngành Y học dự phòng trình độ đại học của Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo theo Quyết định số: 185/QĐ – BGD&ĐT ngày 13/04/2007. Cho đến nay đã tuyển sinh khóa thứ 18 với quy mô khoảng 50 sinh viên mỗi khóa và đã có 12 khóa tốt nghiệp.

Năm 2003, Nhà trường bắt đầu đào tạo Bác sĩ chuyên khoa I Y tế công cộng năm 2008, chuyên khoa I Y học dự phòng năm 2024, đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II Quản lý y tế theo Quyết định số 07/QĐ-BYT ngày 2/2/2008, năm 2004 đào tạo thạc sĩ Y tế công cộng theo Quyết định số 4034/QĐ/BGD&ĐT-ĐT&SDH ngày 20/7/2004, và năm 2011 đào tạo tiến sĩ Y tế công cộng theo Quyết định số 4386/2011/QĐ-BGDĐT ngày 23/9/2011.

Khoa Y tế công cộng được hình thành dựa trên cơ sở sát nhập hai bộ môn chính là Bộ môn Y tế công cộng và Bộ môn Y xã hội học theo Quyết định 3725/QĐ-BYT ngày 5/10/2009 của Bộ Y tế. Khoa Y tế công cộng có nhiệm vụ đào tạo cho các đối tượng Bác sĩ Đa khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Răng hàm mặt, Bác sĩ Y học dự phòng, Dược, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật Y học; chứng chỉ Y tế công cộng cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thực hành thuộc lĩnh vực Y tế công cộng. Đào tạo sau đại học với 5 mã ngành: Chuyên khoa I Y tế công cộng, chuyên khoa I Y học dự phòng, Chuyên khoa II Quản lý Y tế, Thạc sĩ Y tế công cộng và Tiến sĩ Y tế công cộng.

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

3.1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Y học dự phòng**
- Tên tiếng Anh: **Preventive Medicine**
- Mã số: **8720110**

3.2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Định hướng ứng dụng

3.3. Tóm tắt về chương trình đào tạo:

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa Thạc sĩ Y học dự phòng – định hướng ứng dụng là 60 tín chỉ, đào tạo tập trung 2 năm, gồm:

- Kiến thức chung: 05 tín chỉ (8,3%)
- Kiến thức cơ sở: 09 tín chỉ (15%)
- Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc và tự chọn): 37 tín chỉ (61,7%)
- Luận văn tốt nghiệp: 09 tín chỉ (15%).

3.4. Tóm tắt khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu

Hiện tại, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy của Khoa Y tế công cộng có 27 cán bộ cơ hữu, gồm 26 giảng viên, trong đó có: 1 GS.TS, 4 PGS.TS, 6 TS, 1 Bác sĩ CKII, 14 ThS, 01 KTV. Trong đó, 05 giảng viên mở ngành được Trường ĐHYD Hải Phòng - Hội đồng Khoa học và Đào tạo công nhận chuyên ngành đào tạo tiến sĩ là Y học dự phòng: PGS.TS Dương Thị Hương, GS.TS Phạm Minh Khuê, TS Nguyễn Thanh Hải, TS. Chu Khắc Tân, TS Nguyễn Thị Thu Thảo.

Khoa có đầy đủ các giảng đường, phòng họp, hội thảo, phòng thí nghiệm và thư viện phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu. Về cơ sở thực hành, Khoa kết nối với cơ sở thực hành tại CDC thành phố, các tuyến y tế dự phòng thành phố, quận/huyện và xã/phường, định hướng đào tạo đáp ứng theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ngoài ra, khoa có các cơ sở thực tập tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe. Nhà Trường đã ký Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với bệnh viện trên và CDC thành phố. Hơn nữa, nhà thực hành tiền lâm sàng được xây dựng trong khuôn viên của Bệnh viện ĐHYD Hải Phòng đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2021.

3.5. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành đào tạo

Căn cứ nhu cầu đào tạo qua khảo sát các đơn vị sử dụng lao động cho thấy, 50% số đơn vị có nhu cầu tuyển dụng hoặc sẽ gửi 1-2 nhân viên có trình độ/hoặc đi học thạc sĩ Y học dự phòng hoặc CKI Y học dự phòng trong 1-5 năm tới, có một đơn vị có nhu cầu tuyển dụng/cử đi học trên 5 nhân viên trình độ Thạc sĩ YHDP và CKI YHDP. Do

vậy, dựa trên điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ nhân lực đào tạo của Khoa Y tế công cộng, dự kiến quy mô tuyển sinh từ 10-15 học viên/ khóa để đảm bảo chuẩn đầu ra chất lượng đào tạo.

3.6. Kế hoạch xây dựng chương trình và chuẩn bị đào tạo

- Đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo: 07/2025
- Thông báo tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Y dược Hải Phòng: 08/2025
- Tổ chức tuyển sinh: 10/2025
- Khai giảng: 11 - 12/2025

Với các nội dung trên, tháng 9/2022, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường đã họp và nhất trí, Nhà trường đã thực hiện đúng các quy trình xây dựng chương trình đào tạo, và đề án mở ngành. Nay, Nhà trường kính trình tới Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế hồ sơ đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Y học dự phòng.

Ngày 5/7/2023, Bộ Y tế đã có Công văn số 4185/BYT-K2ĐT gửi tới Bộ Giáo dục và Đào tạo ý kiến về hồ sơ mở ngành Y học dự phòng trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, trong đó cũng đã thể hiện rõ nhu cầu sử dụng và đào tạo nguồn nhân lực ngành Y học dự phòng trình độ thạc sĩ là rất cần thiết để góp phần nâng cao chất lượng công tác phòng, chống dịch hiện nay trước tình hình dịch diễn biến phức tạp. Cập nhật thông tin của Bộ Y tế, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã cập nhật hồ sơ và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Y học dự phòng trong năm 2025 theo kế hoạch sửa đổi.

Toàn bộ nội dung đề án đăng ký xin mở mã ngành đào tạo Y học dự phòng trình độ thạc sĩ đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường đại học Y Dược Hải Phòng (www.hpmu.edu.vn).

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLĐTSDH, Khoa YTCC.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ	1
I. NỘI DUNG ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	1
1. Giới thiệu cơ sở đào tạo	1
1.1. Chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	1
1.2. Bộ máy tổ chức	1
1.3. Quy mô đào tạo	2
1.4. Giới thiệu về Khoa Y tế công cộng (Đơn vị chuyên môn trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành thạc sĩ y học dự phòng)	4
2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Y học dự phòng	7
2.1. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ y học dự phòng	8
2.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực trình độ thạc sĩ y học dự phòng	9
3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện mở mã ngành	11
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo	14
4.1. Giảng viên cơ hữu:	14
4.2. Giảng viên thỉnh giảng:	16
5. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho đào tạo	16
5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị	16
5.2. Thư viện	16
6. Tổ chức bộ máy quản lý để mở mã ngành đào tạo	17
6.1. Quản lý chuyên môn và hoạt động chung của đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng	17
6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa	17
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro	18
7.1. Báo cáo phân tích tình hình thực tế	18
7.2. Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể	20
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG	22
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	22
1. Thông tin cơ bản chương trình đào tạo	22
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo	23
3. Thông tin tuyển sinh	23
3.1. Đối tượng dự tuyển sinh:	23
3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển	23
3.3. Quy mô tuyển sinh: Mỗi năm dự kiến tuyển từ 10-15 học viên.	24
4. Chuyển trường và tiếp nhận học viên chuyển trường	24
5. Kế hoạch đào tạo	24

6. Điều kiện tốt nghiệp	24
7. Văn bằng	25
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	26
1. Ma trận chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs)	26
2. Chuẩn đầu ra (PLOs- Program Learning Outcomes)	26
2.1. Kiến thức	27
2.2. Kỹ năng	27
2.3. Mức độ tự chịu trách nhiệm	27
3. Khối lượng kiến thức:	27
4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	28
5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	28
6. Các chương trình, tài liệu mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo	28
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG	29
1. Chương trình khung tổng hợp	29
2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo	29
3. Phân bố học phần/ môn học theo học kỳ	30
4. Phân bố quỹ thời gian cho chương trình	32
5. Đề cương chi tiết học phần	32

ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo: **Y học dự phòng**

Trình độ: **Thạc sĩ**

Mã số: **8720110**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Y Dược Hải Phòng**

I. NỘI DUNG ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu cơ sở đào tạo

Trường Đại học Y Hải Phòng (nay là Trường Đại học Y Dược Hải Phòng) được thành lập dựa trên Cơ sở II Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng (1979) phân hiệu Đại Học Y Hải Phòng (1985) với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực y tế uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và chú trọng phát triển y dược biển đảo Việt Nam chức năng và nhiệm vụ là đào tạo nguồn nhân lực y tế phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

1.1. Chức năng nhiệm vụ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và nghiên cứu khoa học thuộc hệ thống giáo dục đại học, là đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có biểu tượng đặc trưng cho ngành nghề.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở đào tạo có chức năng: đào tạo cán bộ khoa học có trình độ đại học, sau đại học và tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, áp dụng các thành quả nghiên cứu về y học trong công tác đào tạo và khám chữa bệnh. Triển khai xây dựng và thực hiện các dự án, các công trình nghiên cứu cấp cơ sở, cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

1.2. Bộ máy tổ chức

Hiện nay, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức gồm: Đảng ủy- Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Công Đoàn, Đoàn thanh niên – Hội sinh viên, 09 khoa, 12 phòng ban, 07 trung tâm, 03 đơn vị (Bệnh

viện, Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học, Tạp chí khoa học sức khỏe), 29 bộ môn.

Các khoa đào tạo của trường: Khoa Dược, Khoa Răng Hàm Mặt, Khoa Điều dưỡng, Khoa Y học cổ truyền, Khoa Kỹ thuật y học, khoa Y tế công cộng, khoa Y học biển, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Y.

Các phòng ban chức năng gồm: phòng Quản lý Đào tạo Đại học, phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, phòng Công nghệ thông tin, phòng Quản lý khoa học, phòng Tài chính kế toán, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Hợp tác quốc tế, phòng Quản trị, phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Vật tư - Trang thiết bị, phòng Công tác chính trị, Ban thanh tra – Pháp chế.

Các bộ môn trực thuộc trường: bộ môn Nội, bộ môn Ngoại & PTHH, bộ môn Sản – Phụ khoa, bộ môn Nhi, bộ môn Mắt, bộ môn Tai - Mũi – Họng, bộ môn Thần kinh, bộ môn Da liễu, bộ môn Tâm thần, bộ môn Lao và Bệnh phổi, bộ môn Truyền nhiễm, bộ môn Giải phẫu, bộ môn Hóa sinh, bộ môn Sinh lý, bộ môn Sinh lý bệnh - Dị ứng – Miễn dịch, bộ môn Ký sinh trùng, bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, bộ môn Mô – Bệnh học, bộ môn Vi sinh vật, bộ môn Ung bướu, bộ môn Phục hồi chức năng, bộ môn Y học gia đình, bộ môn Toán, bộ môn Tin, bộ môn Giáo dục thể chất, bộ môn Sinh học di truyền, bộ môn Ngoại ngữ, bộ môn Hóa học, bộ môn Lý luận chính trị.

Các trung tâm trực thuộc trường: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Mô phỏng lâm sàng, Trung tâm Giáo dục y học và Nghiên cứu khoa học, Labo trung tâm.

Ba đơn vị: Bệnh viện, Trung tâm thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học, Tạp chí khoa học sức khỏe. Trong đó, bệnh viện trực thuộc trường là Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

1.3. Quy mô đào tạo

Trải qua 46 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo nhiều cán bộ, góp phần cho xã hội, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc.

Đào tạo trình độ đại học: Trường đã nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học từ năm 1979, tới nay đã có 07 ngành gồm: Y đa khoa, Dược khoa, Răng Hàm Mặt, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt và Y học cổ truyền.

Đào tạo trình độ thạc sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ cao học và cấp bằng thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao 08 chuyên ngành gồm: Ngoại khoa, Nội khoa, Nhi khoa, Y học biển, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Dược lý – Dược lâm sàng và Điều dưỡng.

Đào tạo trình độ tiến sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 2011 theo quyết định số 4386/QĐ-GDDT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã và đang đào tạo 04 chuyên ngành gồm: Y tế công cộng (2011); Nhi khoa (2014), chuyên ngành Nội Hô hấp (2017), chuyên ngành Ngoại Tiêu hoá (2017).

Đào tạo trình độ bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I, cấp II: Hiện Trường nhận nhiệm vụ đào tạo 6 mã ngành BSNT, 23 mã ngành CKI và 16 mã ngành CKII.

Kiểm định chương trình đào tạo: Tính đến nay Trường đã thực hiện đánh giá ngoài 7 CTĐT trình độ Đại học và 3 chương trình đào tạo Sau đại học.

Hội đồng xét chức danh GS, PGS cấp cơ sở: Từ năm 2009, trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở xét chức danh giáo sư, phó giáo sư thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe. Từ năm 2012 tới nay, trường đã có 107 ứng cử viên của cơ sở được Hội đồng chức danh GS, PGS cấp Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn.

Nghiên cứu khoa học: Trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu được đối với mỗi cán bộ giảng dạy cũng như các tập thể khoa, bộ môn, phòng. Chỉ tính từ năm 2012 tới nay cán bộ giảng viên đã thực hiện 06 đề tài cấp Nhà nước, 55 đề tài cấp Bộ, 1407 đề tài cấp Trường, công bố 1447 bài báo trong nước và 170 bài báo quốc tế.

Hợp tác quốc tế: Hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng là thế mạnh của nhà Trường. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là một trong những trung tâm đào tạo của hệ thống Pháp ngữ (Filière francophone). Trường đã nhận nhiệm vụ của Hiệp hội các trường đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp (AUPELE - UREE) đào tạo trình độ thạc sĩ y tế công cộng cho Lào và Campuchia tại Viên Chăn - Lào. Nhiều giảng viên được đi học

tập các chuyên đề nâng cao tại Nhật Bản, Đài Loan, Hoa Kỳ, Liên bang Nga và một số nước Châu Á. Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong hợp tác quốc tế đang được triển khai thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với 61 tổ chức quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Khen thưởng: Với sự nỗ lực không ngừng của các thể hệ lãnh đạo, các chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm khoa, phòng và tập thể cán bộ giảng dạy, các thể hệ sinh viên, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng vinh dự được nhận các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, của các Bộ/ Ngành đoàn thể gồm: 01 Huân chương Độc lập hạng ba năm 2014, Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba, 18 Huân chương lao động hạng ba cho các đơn vị và các cá nhân, 04 Huy chương kháng chiến, nhiều cờ thi đua của thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ công an, Hội chữ thập đỏ, Thành đoàn thành phố Hải Phòng, Trung ương Đoàn, Hội sinh viên Việt Nam vì thành tích đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương và cơ quan nêu trên. Năm 2019 nhà trường vinh dự nhận được Bằng khen, Giấy khen của Bộ Y Tế, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, của Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng. Đặc biệt nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc liên tục từ năm 2014 đến nay.

1.4. Giới thiệu về Khoa Y tế công cộng (Đơn vị chuyên môn trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành thạc sĩ y học dự phòng)

Khoa Y tế công cộng chính thức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bộ môn Y tế công cộng và Bộ môn Y xã hội học theo quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 5 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế; là một trong các đơn vị tổ chức cấp Khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Y dược Hải Phòng, có chức năng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đào tạo hệ Bác sĩ Y học dự phòng. Khoa Y tế công cộng là đơn vị tiên phong trong đào tạo sau đại học các chuyên ngành của Y học dự phòng, Y tế công cộng bao gồm: Chuyên khoa định hướng Y tế công cộng, Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Y học dự phòng, Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Y tế công cộng, Bác sĩ chuyên khoa 2 Quản lý y tế, Thạc sĩ và Tiến sĩ Y tế công cộng. Khoa có thế mạnh trong các hoạt động hợp tác quốc tế với nhiều trường đại học trên thế giới, nhất là Khối Pháp ngữ. Trong những năm gần đây, Khoa Y tế công cộng đang mở rộng hợp tác nghiên cứu với các đối tác quốc tế, như các Trường đại học của Canada, Hoa Kỳ, Pháp, Đài Loan.

1.4.1. Đội ngũ nhân lực

Hiện tại nhân lực cơ hữu của Khoa Y tế công cộng có 27 giảng viên và kỹ thuật viên, trong đó: 01 GS.TS, 04 PGS.TS, 07 TS và BSCCKII, 14ThS, 01 KTV. Nhiều giảng viên được đào tạo tiến sĩ tại các nước phát triển như Cộng hòa Pháp, Úc, Nhật; và học tập nâng cao trình độ tại các nước Mỹ, Cộng hòa Pháp, Nhật, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan. Để bổ sung cho đội ngũ giảng viên cơ hữu có chất lượng trên, khoa còn mời tham gia đào tạo đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao là các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ từ các Viện/Trường đại học y dược khác trong nước, và các bác sĩ chuyên khoa giàu kinh nghiệm ở các cơ sở thực hành tuyến tỉnh/ thành phố.

1.4.2. Công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học:

- *Đào tạo đại học:* Hàng năm (từ 2007), Khoa (Nhà trường) tuyển sinh trung bình khoảng 50 sinh viên Bác sĩ Y học dự phòng. Trải qua 17 năm đào tạo đã có 11 lớp Bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp. Các Bác sĩ Y học dự phòng là cựu sinh viên nhà trường hiện nay có mặt trên mọi miền Tổ quốc đóng góp sức lực của mình trong sự nghiệp vẻ vang bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Nhiều cựu sinh viên Bác sĩ Y học dự phòng đang được đào tạo trên đại học ở nhiều trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, công tác tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu y học lớn của Việt Nam và Quốc tế. Bên cạnh đó, Khoa YTCC tham gia giảng dạy kiến thức, kỹ năng và thực hành thuộc lĩnh vực y tế công cộng các cho các đối tượng khác như Bác sĩ đa khoa hệ chính quy (6 năm), Bác sĩ đa khoa (hệ tập trung 4 năm), bác sĩ Răng Hàm Mặt, Dược sĩ, Cử nhân Kỹ thuật Y học, Cử nhân Điều dưỡng hệ chính quy, Cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học; chuyên khoa định hướng y tế công cộng.

- *Đào tạo sau đại học:* Khoa Y tế công cộng luôn là đơn vị đi đầu trong việc mở các mã ngành đào tạo sau đại học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng như:

+ Chuyên khoa I Y tế công cộng: bắt đầu mở tại Hải phòng từ năm 2003, tính đến năm 2022 đã có 196 bác sĩ chuyên khoa I đã tốt nghiệp.

+ Chuyên khoa II Quản lý y tế: từ năm 2008 - 2022 đã có 14 khóa học với 263 bác sĩ chuyên khoa II Quản lý y tế đã tốt nghiệp.

+ Thạc sĩ Y tế công cộng: từ năm 2005 – 2022 đã có 16 khóa học với 326 thạc sĩ Y tế công cộng đã tốt nghiệp.

+ Tiến sĩ Y tế công cộng: bắt đầu tuyển sinh khóa học đầu tiên năm 2013, đến 2022 đã đào tạo được 18 TS YTCC.

+ Chuyên khoa I Y học dự phòng: bắt đầu tuyển sinh từ năm 2024, hiện nay đang đào tạo khoá đầu tiên.

Đồng thời với đào tạo sau đại học tại trường, Khoa Y tế công cộng triển khai đào tạo theo nhu cầu CKI Y tế công cộng và chuyên khoa II Quản lý y tế tại các tỉnh Thanh hóa, Nghệ An, Hưng Yên và Hải Dương.

Khoa kết nối với cơ sở thực hành tại các tuyến y tế dự phòng thành phố và quận/huyện, định hướng đào tạo đáp ứng theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- *Đào tạo liên tục*: Chứng chỉ Y tế công cộng cơ bản, các chương trình chuẩn chức danh nghề nghiệp, các chương trình đào tạo ngắn hạn trong lĩnh vực y tế công cộng.

- *Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế*:

Giảng viên của Khoa được đào tạo đại học, sau đại học và thực tập sinh tại các Viện trường đại học tại Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Thái Lan chiếm tỷ lệ 57% số giảng viên cơ hữu. Khoa YTCC hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài như hợp tác với Viện trường Brest (Cộng hòa Pháp) hàng năm tổ chức đào tạo tại trường cho thạc sĩ YTCC theo chuyên đề sức khỏe nghề nghiệp, hợp tác với đại học Paris Sud đào tạo chứng chỉ liên trường về nghiện chất và các bệnh lây nhiễm qua đường máu cho cán bộ y tế Hải Phòng, hợp tác với Đại học USFC, Đại học New York (Mỹ), Viện nghiên cứu quốc gia HIV/AIDS - Cộng hòa Pháp, Đại học Montpellier, Bệnh viện Đại học Nimes, Công hoà Pháp phát triển các nghiên cứu tại Hải Phòng.

Cán bộ giảng viên của Khoa YTCC trực tiếp làm chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài cấp Quốc gia, 20 đề tài cấp Bộ, thành phố và nhiều đề tài cấp cơ sở. Xuất bản 18 đầu sách phục vụ giảng dạy đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học.

Một số dự án hợp tác quốc tế Khoa đã và đang thực hiện:

+ Dự án DRIVE (Ma túy và bệnh truyền nhiễm ở người nghiện chích ma túy ở Hải Phòng Việt Nam) 2014-2021.

+ Dự án DRIVE C (Nghiên cứu can thiệp điều trị thanh toán dịch viêm gan C ở người tiêm chích ma túy tại Hải phòng) 2018-2021.

+ Dự án DRIVE MIND: (Nghiên cứu can thiệp loạn thần ở người nghiện chích ma túy tại cộng đồng, Hải Phòng) 2019-2020.

+ Nghiên cứu tỷ lệ hiện mắc và đặc điểm dịch tễ HTLV2 ở người tiêm chích ma túy tại Hải Phòng.

+ Nghiên cứu tỷ lệ hiện mắc và đặc điểm dịch tễ Herpes virus 1 ở người tiêm chích ma túy tại Hải Phòng.

+ Nghiên cứu DRIVE-COVID (đánh giá tác động của các biện pháp giãn cách xã hội để kiểm soát dịch COVID-19 lên hành vi nguy cơ lây truyền HIV/viêm gan C trên người tiêm chích ma túy tại Hải Phòng, Việt Nam), triển khai từ 5/2020 đến 12/2020.

+ Nghiên cứu DRIVE-TB (Kiểm soát bệnh lao - Hướng tới thanh toán bệnh lao trên người tiêm chích ma túy: Đánh giá can thiệp dựa vào cộng đồng tại Việt Nam), triển khai từ 10/2023 đến 10/2026.

+ Đang chuẩn bị cho các nghiên cứu khác: Hipocam (sàng lọc và chăm sóc điều trị lao cho phạm nhân trong trại giam) và DRIVE-METH (chăm sóc và điều trị cho người sử dụng ma túy đá).

Các dự án trên, ngoài mục đích nghiên cứu khoa học riêng của từng dự án, còn góp phần phát triển mạnh mẽ hoạt động hợp tác quốc tế của Khoa, nhà trường, và tạo nguồn cho hoạt động đào tạo sau đại học.

2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Y học dự phòng

Những năm gần đây, đời sống, kinh tế và xã hội Việt Nam có nhiều đổi mới, thực trạng sức khỏe và mô hình bệnh tật cũng có những thay đổi đáng kể. Ngành y tế nói chung và lĩnh vực đào tạo y nói riêng có áp lực phải thay đổi để thích nghi với tình hình mới để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân tốt hơn.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trung tâm khu vực vùng Duyên Hải phía Bắc bộ. Nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ Y học ngành Y học dự phòng trong nước rất lớn, trước hết phục vụ cho các CDC các tỉnh thành và trung tâm y tế cấp huyện ở phía các tỉnh khu vực vùng Duyên hải Bắc bộ. Hằng năm có hàng trăm bác sĩ y học dự phòng và bác sĩ đa khoa tốt nghiệp và làm việc ở khu vực này.

2.1. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ y học dự phòng

Y học dự phòng (Preventive Medicine) là một lĩnh vực y tế liên quan đến việc thực hiện các biện pháp để phòng bệnh. Có thể xem y học dự phòng là cầu nối giữa y học và y tế công cộng (*Trường Đại học Y Hà Nội- Y học dự phòng*). Y học lâm sàng quan tâm đến chẩn đoán và điều trị bệnh cho một bệnh nhân và y học dự phòng quan tâm nhiều hơn đến phòng bệnh và nâng cao sức khỏe cho không chỉ các cá nhân, mà cả các gia đình và cộng đồng. Người làm Y học dự phòng sẽ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và chính sách thúc đẩy và bảo vệ sức khỏe để giảm bệnh tật hoặc ngăn chặn và kiểm soát sự tiến triển, giám sát vấn đề sức khỏe, xác định nhu cầu sức khỏe và lập kế hoạch, quản lý và đánh giá các dịch vụ y tế.

Hiện nay, tình hình các bệnh truyền nhiễm gây dịch tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, xuất hiện những dịch bệnh mới khó kiểm soát, đặc biệt là đại dịch COVID-19 đã và đang hoành hành khắp nơi trên thế giới. Một số dịch bệnh đã được cơ bản kiểm soát tốt nhưng vẫn có nguy cơ tiềm ẩn bùng phát trở lại liên quan đến các thảm họa, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,... Đây là mối lo ngại thường trực bên cạnh sự phát triển của các bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, tiểu đường, ung thư... Bên cạnh đó, Việt Nam đang chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhiều thách thức lớn đang đặt ra cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng như xây dựng và phát triển ngành, do đó vai trò của Y học dự phòng trở nên đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, nhân lực ngành Y học dự phòng còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa cao, số cán bộ được đào tạo chuyên sâu về y học dự phòng còn ít; tuyển trung ương mới đáp ứng được 77% nhu cầu, tuyển tỉnh đáp ứng được 54% nhu cầu, tuyển huyện đáp ứng 41,6% nhu cầu. Sự mất cân đối về cơ cấu và phân bố không đều nguồn nhân lực y tế thể hiện rất rõ trong lĩnh vực Y học dự phòng. Tỷ lệ nhân lực Y học dự phòng trong tổng số nhân lực ngành Y rất thấp, đặc biệt ở các khu vực phát triển, nơi có nhiều bệnh viện lớn, số cán bộ điều trị nhiều gấp 6 lần cán bộ hệ Y học dự phòng. Đây là điều bất hợp lý với phương châm “xây dựng nền y tế hiện đại theo định hướng y học dự phòng” của nước ta (Bộ Y tế - *Niên giám Y tế năm 2017 – 2018*). Bên cạnh đó, còn có những hạn chế trong đào tạo nhân lực Y học dự phòng, cụ thể, theo Đề án quy hoạch phát triển nhân lực Y học dự phòng giai đoạn 2011 – 2020, chỉ tiêu đào tạo hệ Y học dự phòng hằng năm thấp hơn nhiều so với hệ điều trị, chiếm khoảng 10 – 15% tổng số chỉ tiêu đào tạo ngành Y (Bộ Y tế - *Quy hoạch phát*

triển nhân lực y tế giai đoạn 2011 – 2020). Đối với loại hình đào tạo cử tuyển hoặc đào tạo theo hợp đồng có địa chỉ, các địa phương thường đăng ký đào tạo hệ điều trị, rất ít đăng ký đào tạo hệ Y học dự phòng. Hầu hết bác sỹ của hệ Y học dự phòng đều từ hệ điều trị chuyển sang, thiếu những người được đào tạo chính quy, đúng chuyên ngành về Y học dự phòng.

Ở khu vực các tỉnh phía Bắc, trường Đại học Y Hà Nội và trường Đại học Y Dược Thái Nguyên đang đào tạo Thạc sỹ ngành YHDP, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu càng ngày càng lớn. Chính vì vậy, việc mở mã ngành đào tạo thạc sỹ y học dự phòng là xuất phát từ yêu cầu thực tế chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân trong thời đại mới, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của các địa phương và phương hướng phát triển đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2.2. Khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực trình độ thạc sỹ y học dự phòng

Từ năm 2021, nhà trường đã khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực thạc sỹ y học dự phòng ở các tỉnh thành phố phía Bắc bao gồm: Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Giang, Phú Thọ. Tại mỗi tỉnh/ thành phố, phiếu khảo sát được gửi đến Sở y tế, CDC và trung tâm y tế huyện. Kết quả cho thấy, các địa phương đều đang có nhu cầu lớn nhân lực y tế chuyên môn cao trình độ thạc sỹ y học dự phòng để đáp ứng được yêu cầu công việc và quy định về vị trí việc làm của nhân lực trình độ sau đại học tại các CDC, TTYT. Trong thời gian 1-5 năm tới, 50% số đơn vị được khảo sát có nhu cầu tuyển dụng từ một đến hai nhân viên có trình độ thạc sỹ Y học dự phòng hoặc sẽ gửi nhân viên đi học mã ngành này. Khảo sát về phía cựu sinh viên ngành Y học dự phòng của Nhà trường, 72% cựu sinh viên có nhu cầu đi học Thạc sỹ Y học dự phòng do đây là những chương trình đào tạo phù hợp với mã ngành công tác của Bác sỹ Y học dự phòng và đáp ứng yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với bác sỹ y học dự phòng được quy định trong Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV và Thông tư 03/2022/TT-BYT.

Việc mở mã ngành đào tạo thạc sỹ y học dự phòng đã nằm trong phương hướng nhiệm vụ đào tạo và phát triển của trường Đại học Y Dược Hải Phòng, như trong Sứ mạng của nhà trường đã ghi: *"Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo"*. Kế hoạch này đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua.

2.3. Năng lực cơ sở đào tạo Thạc sỹ ngành Y học dự phòng

Khoa Y tế công cộng chính thức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bộ môn Y tế công cộng và Bộ môn Y xã hội học theo quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 5 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế; là một trong các đơn vị tổ chức cấp Khoa được thành lập đầu tiên của Trường Đại học Y dược Hải Phòng. Khoa Y tế công cộng là đơn vị tiên phong trong đào tạo sau đại học các chuyên ngành của Y học dự phòng, Y tế công cộng bao gồm: Chuyên khoa định hướng Y tế công cộng, Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Y học dự phòng, Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Y tế công cộng, Bác sĩ chuyên khoa 2 Quản lý y tế, Thạc sĩ và Tiến sĩ Y tế công cộng.

Hiện tại nhân lực cơ hữu của Khoa Y tế công cộng có 27 giảng viên và kỹ thuật viên, trong đó: 01 GS.TS, 04 PGS.TS, 07 TS và BSCCKII, 14ThS, 01 KTV. Nhiều giảng viên được đào tạo tiến sĩ tại các nước phát triển như Cộng hoà Pháp, Úc, Nhật; và học tập nâng cao trình độ tại các nước Mỹ, Cộng hoà Pháp, Nhật, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan. Để bổ sung cho đội ngũ giảng viên cơ hữu có chất lượng trên, khoa còn mời tham gia đào tạo đội ngũ gồm 42 giảng viên thỉnh giảng có trình độ cao là các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ từ các Viện/ Trường đại học y dược khác trong nước, và các bác sĩ chuyên khoa giàu kinh nghiệm ở các cơ sở thực hành tuyến tỉnh/ thành phố.

Nhà trường trang bị cho khoa đầy đủ về cơ sở vật chất nhằm đáp ứng cho học tập, thực hành và nghiên cứu như các khu giảng đường, trung tâm thư viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm mô phỏng tiền lâm sàng và các bệnh viện thực hành vệ tinh như:

- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 2313/BVVT TTĐTCDT ngày 05/05/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 05/2022/HĐTH-BVHNVT ngày 16/05/2022 cho các đối tượng bao gồm nghiên cứu sinh Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng; Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng; Chuyên khoa cấp II Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền. Chuyên khoa cấp I Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều

đưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng số 05/2022/HĐTH -BVPSHP ký ngày 18 tháng 5 năm 2022 cho các đối tượng bao gồm Chuyên khoa cấp II Sản phụ khoa; Chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa; Chuyên khoa Cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Sản phụ khoa; Thạc sĩ Điều Dưỡng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng số 50a/2022/HĐTH-BVTE ký ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho các đối tượng bao gồm Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II kèm phụ lục hợp đồng năm 2022 bổ sung các đối tượng Nghiên cứu sinh Nhi khoa; Thạc sĩ Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt; Chuyên khoa cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Răng Hàm Mặt.

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc số 806/HĐNT-TTKSBTHP ngày 14/7/2022 về thỏa thuận đào tạo thực hành, trong đó quy định đối tượng thực hành bao gồm: Nghiên cứu sinh Y tế công cộng, Thạc sĩ Y tế công cộng và Y học dự phòng, Chuyên khoa cấp II Quản lý y tế, Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng và Y học dự phòng và Bác sĩ Y học dự phòng.

- Bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng là bệnh viện thực hành của Trường.

Các bệnh viện đáp ứng là cơ sở thực hành đào tạo khối ngành sức khỏe được công bố công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Hải Phòng theo đường link <http://soytehaiphong.gov.vn/soytehpg/1283/30605/53500/DS-co-so-dap-ung-co-sothuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/>. Cụ thể Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCĐT ngày 05/05/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng căn cứ theo bản công bố số 193/BVTE-KHTH ngày 13/04/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện mở mã ngành

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao đào tạo đại học hệ chính quy ngành Bác sĩ Y học dự phòng từ năm 2007 theo quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 13/4/2007. Đến nay, nhà trường đã tuyển sinh và đào tạo 17 khóa, với quy mô khoảng 50 sinh viên mỗi khóa và có 11 khóa đã tốt nghiệp. Các bác sỹ Y học dự phòng là cựu sinh viên nhà trường hiện nay có mặt trên mọi miền Tổ quốc đóng góp sức lực của mình trong sự nghiệp vẻ vang bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Đề án mở mã ngành đào tạo thạc sĩ, ngành Y học dự phòng được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019.
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
3. Nghị định số 43/2000/NĐ - CP ngày 30/08/2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.
4. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.
5. Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13 năm 2012.
6. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.
7. Nghị định số 141/2013/NĐ – CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật Giáo dục đại học.
8. Thông tư số 07/2015/TT – BDGĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
9. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ
10. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.
11. Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 18/01/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe.
12. Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017 về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình cho phép đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định

cho phép đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

13. Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
14. Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
15. Thông tư số 17/2021-TT-BGDĐT ban hành ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
16. Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 31/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
17. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
18. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ Y tế về việc Sửa đổi, bổ sung một số qui định về chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
19. Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
20. Thông tư số 07/VBHN-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
21. Quyết định số 44/2004/QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ cho trường Đại học Y Hải Phòng.

22. Quyết định 1359/QĐ-YHDP ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường ĐHYD HP về việc Quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của trường ĐHYD Hải Phòng
23. Biên bản thông qua chủ trương xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ Y học dự phòng của Hội đồng khoa học trường Đại học Y Dược Hải Phòng do Chủ tịch Hội đồng ký ngày 29 tháng 3 năm 2022.
24. Nghị quyết số 21/NQ-ĐU ngày 6 tháng 4 năm 2022 của Đảng uỷ trường Đại học Y Dược Hải Phòng phê duyệt chủ trương mở ngành.
25. Kết quả thẩm định Chương trình đào tạo và kiểm tra cơ sở vật chất của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo

4.1. Giảng viên cơ hữu:

Đội ngũ 19 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy đào tạo thạc sĩ y học dự phòng, bao gồm 02 Giáo sư Tiến sĩ, 04 Phó giáo sư Tiến sĩ, 11 Tiến sĩ, 01 Bác sĩ chuyên khoa cấp II và 01 Thạc sĩ (môn chung). (Phụ lục 3- mẫu 1). Trong số đó, chủ trì là PGS.TS. Dương Thị Hương và các giảng viên cơ hữu chủ trì ngành đào tạo trong danh sách sau đây:

TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ chuyên ngành đào tạo
1.	Dương Thị Hương, Giảng viên cao cấp Khoa YTCC 7/8/1965	Phó giáo sư năm 2014, Tiến sĩ, Việt Nam năm 2001	Tiến sĩ Y học – Y học dự phòng/Dịch tễ
2.	Phạm Minh Khuê Phó trưởng Khoa, Giảng viên cao cấp	Giáo sư năm 2022 Tiến sĩ Pháp, 2008	Y tế công cộng - Y học dự phòng/Dịch tễ
3.	Nguyễn Thanh Hải, 07/11/1987 Phó trưởng Khoa YTCC	Tiến sĩ, Pháp, 2021	Y học dự phòng/Y tế công cộng
4.	Chu Khắc Tân, 02/02/1977 Phụ trách BM Dịch tễ	Tiến sĩ, Australia 2021	Y học dự phòng/Y tế công cộng

5.	Nguyễn Thị Thu Thảo, 30/09/1986	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2018	Khoa học y học – Y học dự phòng/Y tế công cộng
6.	Nguyễn Thị Thắm, 09/04/1980 Giảng viên cao cấp Khoa YTCC, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trưởng BM DD và ATTP	Phó giáo sư năm 2023 Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Y tế công cộng
7.	Hoàng Thị Giang, 07/8/1985 Trưởng Khoa YTCC, Trưởng BM SKNN	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Y tế công cộng
8.	Nguyễn Thị Thuý Linh, 27/12/1985 Phó trưởng BM DD & ATTP Phó trưởng phòng Quản lý khoa học	Tiến sĩ, Việt Nam 2022	Y tế công cộng
9.	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 21/02/1978 Trưởng BM SKMT	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Y tế công cộng
10.	Trần Thị Bích Hồi, 02/01/1974 Trưởng BM YXHH	BSCKII, Việt Nam, 2020	Quản lý y tế
11.	Trần Thị Thúy Hà Phó trưởng BM YXHH	Phó giáo sư năm 2024, Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Y tế công cộng

Theo bảng danh sách các giảng viên cơ hữu trên, bằng tiến sĩ của các giảng viên đều ghi chuyên ngành đào tạo y tế công cộng. Về mặt từ ngữ, có sự khác biệt với chuyên ngành đào tạo y học dự phòng. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn của các giảng viên hoàn toàn đáp ứng theo Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT quy định về ngành phù hợp. Bên cạnh đó, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường cũng đã họp và thống nhất về nội dung xác minh các văn bằng tiến sĩ phù hợp để mở mã ngành thạc sĩ Y học dự phòng (phụ

lục). Để giải trình chi tiết và đầy đủ hơn, nhà trường xin báo cáo ở công văn riêng về việc xin ý kiến Bộ Giáo dục và Đào tạo Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành.

4.2. Giảng viên thỉnh giảng:

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn và nhiều kinh nghiệm đến từ các Trường Đại học Y/ Y dược và các cơ sở thực hành (Phụ lục 3- mẫu 1)

4.3. Lộ trình kế hoạch phát triển nhân lực

- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập vươn lên về cả chuyên ngành và ngoại ngữ. Hiện tại, Khoa đang có 2 nghiên cứu sinh đang học tập tại nước ngoài và 2 nghiên cứu sinh trong nước. Trong năm 2025 và 2026, khoa có kế hoạch cử từ 4 đến 5 giảng viên đi học nghiên cứu sinh để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

- Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Hàng năm, các giảng viên nhà trường nhận được học bổng toàn phần của các chương trình ngắn hạn và dài hạn sau đại học tại Nhật Bản, Pháp, Mỹ và nhiều nước khác.

- Khoa thực hiện kế hoạch rà soát tự đánh giá chương trình đào tạo 02 năm một lần và kiểm định chương trình theo chu kỳ 05 năm nhằm duy trì tập huấn nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho đào tạo

5.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

Trường Đại học Y dược Hải Phòng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng. Trường hiện có trên 50 giảng đường, 12 phòng học riêng và 01 lab xét nghiệm dành riêng cho ngành kỹ thuật xét nghiệm. Phòng sinh hoạt khoa học được trang bị đầy đủ máy chiếu, máy tính, âm thanh. Phòng máy tính hiện đại kết nối internet tốc độ cao.

5.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Y dược Hải Phòng có 60 đầu sách chuyên ngành và tạp chí Y học trong và ngoài nước đảm bảo đủ nhu cầu học tập và tham khảo, kết nối internet, thư viện điện tử kết nối với cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước như who.int/hinari, pubmed.gov... Có đủ giáo trình thực hiện đào tạo thạc sĩ ngành y học dự phòng.

Ngoài ra, nhà trường còn có cơ sở thực hành thực tập cho sinh viên ở các đơn vị CDC các tỉnh/thành phố, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Trung tâm kiểm dịch quốc tế và các trung tâm y tế quận/huyện.

6. Tổ chức bộ máy quản lý để mở mã ngành đào tạo

6.1. Quản lý chuyên môn và hoạt động chung của đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng

- Hoạt động đào tạo thạc sĩ y học dự phòng dưới sự quản lý và chỉ đạo chung của Ban giám hiệu và phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

- Nhà trường đã ban hành Quyết định số 832/QĐ-YHDP ngày 10/5/2022 về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và tổ biên soạn đề án mở mã ngành Thạc sĩ Y học dự phòng.

6.2. Đơn vị quản lý cấp khoa

- Khoa Y tế công cộng (đơn vị chủ trì xây dựng đề án và quản lý trực tiếp của các giảng viên cơ hữu mở mã ngành) chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp các hoạt động chuyên môn, giảng viên và người học. Khoa phối hợp với các đơn vị liên quan như phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, các phòng ban chức năng, các trung tâm chuyên trách, các bộ môn trong việc triển khai chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc lượng giá, đánh giá người học, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Các bộ môn là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo và quản lý chuyên môn học phần được phân công.

- Cán bộ quản lý phụ trách chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- + PGS.TS. Dương Thị Hương: Giảng viên cao cấp, phụ trách chủ trì, chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình đào tạo

- + GS.TS. Phạm Minh Khuê: Giảng viên cao cấp, phụ trách viên lên kế hoạch, phối hợp chuyên môn, đề xuất các giải pháp, phương án trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- + TS. Nguyễn Thanh Hải: Phó trưởng khoa, giảng viên cơ hữu chủ trì thực hiện chương trình đào tạo

+ TS. Chu Khắc Tân: Phụ trách bộ môn Dịch tễ học, giảng viên cơ hữu chủ trì thực hiện chương trình đào tạo.

+ TS. Nguyễn Thị Thu Thảo: giảng viên cơ hữu chủ trì thực hiện chương trình đào tạo.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro

7.1. Báo cáo phân tích tình hình thực tế

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế chuyên đào tạo đa ngành về Y Dược đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế chất lượng cao của nước nhà. Trường có lịch sử lâu dài hình thành, xây dựng và phát triển gần nửa thế kỷ, đã đào tạo hàng ngàn bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa I, bác sĩ chuyên khoa II, thạc sĩ, tiến sĩ và nhân lực y tế trình độ cao khác cho cả nước. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, tuyển sinh và đào tạo, nhà trường luôn luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, luật, thông tư, quy định và hướng dẫn của bộ chủ quản cũng như bộ Giáo dục và Đào tạo. Để ghi nhận và khích lệ cho những đóng góp của tập thể cán bộ nhân viên nhà trường trong công tác đào tạo nhân lực y tế, Đảng và Nhà nước, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khen tặng nhà trường nhiều bằng khen và huân chương lao động cao quý. Trong suốt quá trình đào tạo trên, nhà trường chưa từng mắc sai phạm nào dẫn đến một chương trình đào tạo nào bị cơ quan có thẩm quyền tạm dừng hay chấm dứt.

Trong thời kỳ Việt Nam hội nhập thế giới, kinh tế xã hội đất nước ngày càng phát triển, đời sống và phúc lợi của người dân ngày càng nâng cao. Song hành với sự phát triển đó là những biến động kinh tế xã hội nhất định, những trường hợp đặc biệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo của cả nước, của nhà trường nói chung và đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng nói riêng. Lịch sử hơn 45 năm xây dựng và phát triển của nhà trường có không ít khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, bằng sự đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên và sự hướng dẫn sát sao, chỉ đạo hiệu quả của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế, nhà trường đã luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các trường hợp học viên/ sinh viên có vướng mắc khó khăn đều được nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và gia đình học viên/ sinh viên giải quyết thấu đáo trên cơ sở tuân thủ pháp luật và đảm bảo quyền lợi của người học.

*** Điểm mạnh:**

- Về nhân lực:

- + Đội ngũ giảng viên trẻ, được đào tạo đúng chuyên ngành cả trong và ngoài nước, tâm huyết.
- + Có kinh nghiệm trong giảng dạy, hướng dẫn tốt nghiệp cho bác sĩ chuyên khoa I, II, Thạc sĩ Y tế công cộng và Tiến sĩ Y tế công cộng đạt kết quả tốt.
- + Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu, có các đề tài được nghiệm thu cấp cơ sở, thành phố, nhà nước và hợp tác quốc tế. Có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

- Về chương trình đào tạo:

- + Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phù hợp với chuẩn năng lực bác sĩ ngành Y học dự phòng do Bộ Y tế ban hành.
- + Đã xây dựng và thực hiện nhiều chương trình đào tạo các bác sĩ chuyên khoa cấp I Y tế công cộng, chuyên khoa cấp I Y học dự phòng, chuyên khoa cấp II Quản lý Y tế, Thạc sĩ Y tế công cộng, Tiến sĩ Y tế công cộng (Các chuyên ngành gần của Y học Dự phòng).

- Về cơ sở thực hành: Hợp tác chặt chẽ với các bệnh viện và Trung tâm CDC của thành phố đảm bảo đầy đủ và chất lượng cơ sở thực hành/ thực tập cho học viên.

*** Cơ hội**

- Là trường đa ngành khối sức khỏe, có uy tín, thương hiệu tốt.
- Mạng lưới các bệnh viện thực hành rộng lớn, đội ngũ giảng viên mạnh.
- Nhu cầu đào tạo Thạc sĩ học dự phòng cao, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay với sự thay đổi đáng kể mô hình bệnh tật, xuất hiện mới các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và sự tăng lên của các bệnh không lây truyền.
- Tiềm năng để xin tài trợ cho nghiên cứu mới, ý tưởng sáng tạo đang tăng nhanh đặc biệt trong giai đoạn mà nhà trường và khoa tăng cường hợp tác như hiện nay.

*** Rủi ro**

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó lường có thể ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện chương trình đào tạo.

- Tính cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng cao.

7.2. Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể

- Linh hoạt trong công tác giảng dạy, quản lý học viên trong thời kỳ dịch bệnh, xây dựng hình thức giảng dạy trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận. Xây dựng một văn hóa, môi trường đại học có khả năng thu hút lao động có chất lượng.

- Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực ngành Y học dự phòng có uy tín, hướng tới an toàn và chất lượng nhằm chăm sóc tốt nhất sức khỏe tốt cho người dân.

Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo: nhà trường ban hành quy chế quản lý rủi ro và các chính sách bảo vệ quyền lợi của học viên, giảng viên và công bố bằng văn bản trên cổng thông tin điện tử của trường. Học viên có thể được chuyển sang chương trình đào tạo có tính tương đương (Thạc sĩ Y tế công cộng) tại nhà trường hoặc chuyển sang cơ sở đào tạo khác ngang cấp với các cơ sở đào tạo liên kết với nhà trường mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ chương trình.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN VĂN KHẢI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

THẠC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 337/QĐ-YDHP ngày 17 tháng 2 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

HẢI PHÒNG, 2025

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

Mã số: 8720110

(Ban hành theo Quyết định số 337/QĐ-YDHP ngày 17/2/2023)

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin cơ bản chương trình đào tạo

- Ngành học: Y học dự phòng (Preventive Medicine)
- Trình độ: Thạc sĩ – định hướng ứng dụng
- Mã số ngành đào tạo: **8720110**
- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Y học dự phòng
 - + Tiếng Anh: Master of Preventive Medicine
- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y dược Hải Phòng
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Y tế công cộng

Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Chương trình đào tạo Thạc sĩ y học dự phòng đã được Hội đồng khoa học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng thẩm định. Hội đồng kết luận với cơ sở đội ngũ cán bộ cơ hữu và cơ sở vật chất, Trường đủ điều kiện thực hiện chương trình đào tạo ngành y học dự phòng, trình độ thạc sĩ. Khoa Y tế công cộng đã bổ sung và hoàn thiện chương trình theo biên bản của Hội đồng và đã được Chủ tịch Hội đồng thông qua thẩm định ký xác nhận.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo Thạc sĩ ngành y học dự phòng có trình độ chuyên môn vững vàng, vận dụng được kiến thức, thái độ và kỹ năng chuyên sâu y học dự phòng vào hoạt động nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề cơ bản của y học dự phòng; có đạo đức, trách nhiệm và thái độ hành nghề chuyên nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học suốt đời để cập nhật kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh hàng năm theo quy định của trường Đại học Y Dược Hải Phòng

3.1. Đối tượng dự tuyển sinh:

- + Văn bằng: Có bằng Bác sĩ YHDP, BS các chuyên ngành khác. Bác sĩ các chuyên ngành khác cần có chứng chỉ YTCC/ YHDP cơ bản.
- + Điều kiện đầu vào đối với ngoại ngữ: có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
- + Đủ sức khỏe để học tập.
- + Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo

3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.2.1. Môn xét tuyển:

Môn xét tuyển được lựa chọn là điểm TB học tập toàn khoá và điểm chuyên ngành của đối tượng dự tuyển. Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển. Căn cứ vào điểm TB toàn khoá của điểm học tập toàn khoá và điểm chuyên ngành của đối tượng dự tuyển

Tổ hợp xét tuyển:

- + Điểm trung bình toàn khoá
- + Môn chuyên ngành YHDP: Chọn một trong những môn Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Dinh dưỡng an toàn thực phẩm, Giáo dục sức khỏe.

3.2.2. Xét trúng tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm của các thành phần: điểm trung bình toàn khoá, điểm môn chuyên ngành và điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

Các thí sinh có điểm đạt của các môn xét tuyển sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành, trung bình toàn khoá với điểm ưu tiên (nếu có), tính từ cao xuống thấp và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân.

Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, Hội đồng tuyển sinh sẽ dựa vào tiêu chí phụ, xác định người trúng tuyển theo thứ tự theo tiêu chí sau:

- Tiêu chí phụ 1: Điểm học phần chuyên ngành (theo thang điểm 10).
- Tiêu chí phụ 2: Điểm trung bình toàn khoá.
- Tiêu chí phụ 3: Năng lực ngoại ngữ (Quy đổi sang 6 bậc Việt Nam) và điểm trung bình văn bằng ngoại ngữ.

3.3. Quy mô tuyển sinh: Mỗi năm dự kiến tuyển từ 10-15 học viên.

4. Chuyển trường và tiếp nhận học viên chuyển trường

- *Chuyển trường*: Học viên đang theo học tại trường được Hiệu trưởng quyết định cho chuyển sang học tập ở trường khác với các điều kiện sau:

- + Hoàn thành ít nhất 1 học kỳ
- + Không đang trong thời gian thi hành kỷ luật
- + Không nợ nhà trường tiền học phí, tài liệu

- *Tiếp nhận học viên đang theo học Thạc sĩ Y học dự phòng ở trường đại học khác*:

- + Đáp ứng tiêu chuẩn tuyển sinh của nhà trường
- + Đơn xin chuyển trường: được trường đang đào tạo phê duyệt
- + Không đang bị kỷ luật bởi trường đang theo học

5. Kế hoạch đào tạo

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ tập trung, liên tục trong 2 năm.

6. Điều kiện tốt nghiệp

- Học viên học tập trung 2 năm, hoàn thành 60 tín chỉ của các môn học theo qui định của chương trình.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ đề án tốt nghiệp:

Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về Ngoại ngữ; hoặc Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

- Hoàn thành học phần tốt nghiệp (đề án tốt nghiệp):

* Yêu cầu đề án trình độ Thạc sĩ: Đề tài đề án là một nghiên cứu hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu về nội dung, phù hợp về chuyên ngành, nghiên cứu vấn đề thực tiễn và cấp bách hiện tại trong lĩnh vực YHDP, được hội đồng đánh giá khách quan.

* Quy chế đánh giá đề án thạc sĩ Y học: Học viên bảo vệ đề án trước hội đồng gồm 5 thành viên, trong đó có ít nhất 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo. Điểm đề án tính theo thang điểm 10 theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi có đạt đủ các điểm học phần và luận văn đạt yêu cầu theo chương trình qui định.

7. Văn bằng

Học viên hoàn thành toàn bộ chương trình học và bảo vệ thành công đề án tốt nghiệp sẽ được công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ, ngành YHDP.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ma trận chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs)

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Triết học	X										
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học			X					X			
3.	Thống kê y sinh			X					X			
4.	Dịch tễ học nâng cao		X		X							
5.	GDSK và NCSK		X		X							
6.	Sức khỏe môi trường		X		X					X	X	X
7.	Sức khỏe nghề nghiệp		X		X					X	X	X
8.	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm		X		X					X	X	X
9.	Quản lý y tế và chính sách y tế		X		X	X	X			X	X	X
10.	Kinh tế y tế và BHYT*		X		X					X	X	X
11.	Dịch tễ học lâm sàng		X		X					X	X	X
12.	Y học gia đình		X		X			X		X	X	X
13.	Tự chọn 1		X		X					X	X	X
14.	Tự chọn 2		X		X					X	X	X
15.	Tự chọn 3		X		X					X	X	X
16.	Tự chọn 4		X		X					X	X	X
17.	Học phần tốt nghiệp		X		X							

2. Chuẩn đầu ra (PLOs- Program Learning Outcomes)

Đào tạo Thạc sĩ ngành y học dự phòng có trình độ chuyên môn vững vàng, vận dụng được kiến thức, thái độ và kỹ năng chuyên sâu y học dự phòng vào hoạt động nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề cơ bản của y học dự phòng; có đạo đức, trách nhiệm và thái độ

hành nghề chuyên nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học suốt đời để cập nhật kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn.

2.1. Kiến thức

PLO1: Nhận thức đúng đắn quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.

PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.

2.2. Kỹ năng

PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng

PLO5: Giám sát, đánh giá các hoạt động của chương trình y tế triển khai tại cộng đồng.

PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.

PLO7: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.

2.3. Mức độ tự chịu trách nhiệm

PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực y học dự phòng.

PLO10: Quản lý, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn y học dự phòng

PLO11: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực y học dự phòng

3. Khối lượng kiến thức:

Học viên học tập trung 02 năm, hoàn thành 60 tín chỉ của các môn học/ học phần theo qui định của chương trình:

- + Học phần kiến thức chung: 02 học phần (05 tín chỉ)
- + Học phần cơ sở và hỗ trợ: 03 học phần (9 tín chỉ)
- + Học phần chuyên ngành bắt buộc: 06 học phần. (22 tín chỉ)
- + Học phần chuyên ngành tự chọn: chọn 05 học phần (15 tín chỉ)
- + Học phần tốt nghiệp: (09 tín chỉ)

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Học viên có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- Bác sĩ chính làm việc trong các cơ sở y tế công lập có chuyên khoa Y học dự phòng (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ)
- Giảng viên, nghiên cứu viên các cơ sở giáo dục và đào tạo có ngành Y học dự phòng.
- Chuyên viên, chuyên viên chính tại các cơ sở quản lý y tế.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Học viên có khả năng nghiên cứu học tập tiếp theo ở trình độ Tiến sĩ ngành Y học dự phòng, Y tế công cộng, Quản lý y tế
- Học viên có khả năng nghiên cứu, học tập ở bậc học Chuyên khoa cấp II ngành Y học dự phòng.

6. Các chương trình, tài liệu mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội.
- Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Chương trình khung tổng hợp

TT	Các học phần	SỐ TÍN CHỈ			Tỷ lệ %
		LT	TH	Tổng số	
1.	Học phần kiến thức chung	4	1	5	23,3
2.	Học phần học cơ sở và hỗ trợ	5	4	9	
3.	Học phần chuyên ngành bắt buộc	13	12	25	41,7
4.	Học phần chuyên ngành tự chọn	8	4	12	20
5.	Học phần tốt nghiệp (Luận văn)	0	9	9	15
	TỔNG SỐ	30	30	60	100

* 01 tín chỉ tương ứng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực tập tại phòng thí nghiệm, 45 tiết thực tập tại bệnh viện, cộng đồng.

* 01 tiết thực hành (TH) đã được qui đổi tương ứng với 01 tiết lý thuyết

2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã số	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ		
			Tổng số	LT	TH
Học phần kiến thức chung			5	4	1
1.	TRIH	Triết học	3	3	0
2.	NCKH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
Học phần học cơ sở và hỗ trợ			9	5	4
3.	TKYS	Thống kê y sinh	3	1	2
4.	DTNC	Dịch tễ học nâng cao	3	2	1
5.	GDSK	Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	3	2	1
Học phần chuyên ngành bắt buộc			25	13	12
6.	SKMT	Sức khỏe môi trường	4	2	2
7.	SKNN	Sức khỏe nghề nghiệp	4	2	2
8.	DATP	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	4	2	2
9.	QCYT	Quản lý y tế và chính sách y tế	4	2	2

10.	KBYT	Kinh tế y tế và BHYT	3	2	1
11.	DTLS	Dịch tễ học lâm sàng	3	2	1
12.	YHGD	Y học gia đình	3	1	2
		Học phần chuyên ngành tự chọn (Chọn 4 trong 7 học phần)	12	8	4
13.	MSKH	Một sức khỏe	3	2	1
14.	NGCH	Nghiện chất	3	2	1
15.	YHBI	Y học biển	3	2	1
16.	MNTN	DTH bệnh mới nổi và tái nổi	3	2	1
17.	DSPT	Dân số và phát triển	3	2	1
18.	BĐKH	Biến đổi khí hậu và thảm họa	3	2	1
19.	QLBV	Quản lý bệnh viện	3	2	1
20.	HPTN	Học phần tốt nghiệp	9	0	9
TỔNG SỐ			60	30	30

3. Phân bố học phần/ môn học theo học kỳ

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ				Giảng viên
			1	2	3	4	
1.	Triết học	TRIH	3				TS. Trịnh Thị Thủy Ths. Lại Thị Mai
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	NCKH	2				GS.TS. Phạm Minh Khuê TS. Nguyễn Thị Thu Thảo TS. Nguyễn Thanh Hải
3.	Thống kê y sinh	TKYS	3				GS.TS. Phạm Minh Khuê TS. Hoàng Thị Giang TS. Nguyễn Thanh Hải
4.	Dịch tễ học nâng cao	DTNC	3				PGS.TS. Phạm Văn Hán TS. Chu Khắc Tân TS. Nguyễn Thị Thu Thảo

5.	Giáo dục sức khỏe và NCSK	GDSK	3				BSCCKII. Trần Thị Bích Hồi TS. Trần Thị Thúy Hà
6.	Sức khỏe môi trường	SKMT		4			PGS.TS. Dương Thị Hương TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc
7.	Sức khỏe nghề nghiệp	SKNN		4			GS.TS. Phạm Minh Khuê TS. Hoàng Thị Giang TS. Nguyễn Thanh Hải
8.	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	DATP		4			TS. Nguyễn Thị Thắm PGS.TS. Trương Thị Tuyết TS. Nguyễn Thị Thùy Linh
9.	Kinh tế y tế và BHYT	KBYT		3			BSCCKII. Trần Thị Bích Hồi TS. Nguyễn Thanh Hải
10.	Quản lý y tế và chính sách y tế	QCYT			4		TS. Trần Thị Thúy Hà BSCCKII. Trần Thị Bích Hồi
11.	Dịch tễ học lâm sàng	DTLS			3		PGS.TS. Phạm Văn Hán TS. Chu Khắc Tân TS. Nguyễn Thị Thu Thảo
12.	Y học gia đình	YHGĐ			3		PGS.TS. Phạm Văn Mạnh TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu
13.	Một sức khỏe	MSKH	<i>Học phần kiến thức tự chọn: Học viên chọn 4 trong 7 học phần</i>	6	6		PGS.TS. Dương Thị Hương TS. Nguyễn Đức Phúc TS. Nguyễn Thị Thắm TS. Trần Thị Thúy Hà
14.	Nghiện chất	NGCH					TS. Nguyễn Thị Thắm TS. Hoàng Thị Giang TS. Nguyễn Thị Thùy Linh
15.	Y học biển	YHBI					GS.TS. Nguyễn Trường Sơn PGS.TS. Trần Thị Quỳnh Chi TS. Nguyễn Văn Tâm TS. Nguyễn Bảo Nam

16.	Dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi	MNTN					GS.TS. Phạm Minh Khuê TS. Nguyễn Thị Thu Thảo BSCKII. Nguyễn Duy Hùng
17.	Dân số và phát triển	DSPT					TS. Trần Thị Thúy Hà BSCKII. Trần Thị Bích Hồi
18.	Biến đổi khí hậu và thảm họa	BĐKH					PGS.TS. Dương Thị Hương TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc
19.	Quản lý bệnh viện	QLBV					TS. Trần Thị Thúy Hà TS. Nguyễn Thị Thắm
20.	Học phần tốt nghiệp	HPTN				9	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			14	15	16	15	

4. Phân bổ quỹ thời gian cho chương trình

Thời gian đào tạo Thạc sĩ Y học dự phòng là 2 năm và được phân bổ quỹ thời gian cho chương trình như sau:

Học kỳ	Học tập (tuần)	Thi (tuần)	Tết/Hè (tuần)	Tổng (tuần)
I	20	2	3	25
II	20	2	3	25
III	20	2	3	25
IV	20	2	3	25
Tổng	80	8	12	100

5. Đề cương chi tiết học phần

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Chương trình đào tạo Thạc sĩ Y học dự phòng

Mục lục

TRIẾT HỌC.....	33
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	38
THỐNG KÊ Y SINH.....	48
DỊCH TỄ HỌC NÂNG CAO	55
NÂNG CAO SỨC KHỎE	60
SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG.....	67
SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP.....	73
DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM	80
KINH TẾ Y TẾ VÀ BẢO HIỂM Y TẾ.....	84
QUẢN LÝ Y TẾ - CHÍNH SÁCH Y TẾ	90
DỊCH TỄ HỌC LÂM SÀNG.....	96
MỘT SỨC KHỎE	102
NGHIỆN CHẤT	112
Y HỌC BIÊN.....	118
DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH MỚI NỔI TÁI NỔI.....	123
DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN.....	128
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THẢM HỌA.....	133
QUẢN LÝ BỆNH VIỆN.....	139

TRIẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT - GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy. Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0916626226	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	3	0	0	-
Số tiết	45	45	0	0	90
Số buổi	12	12	0	0	-

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Kế thừa những kiến thức đã học được ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lênin.	PLO1: Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.
CLO2	Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại gắn liền với các thành tựu mới của khoa học và công nghệ, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	PLO1: Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	PLO1: Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.
CLO4	Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.	PLO7: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO5	Củng cố, tiếp tục rèn luyện thế giới quan và khả năng tư duy logic, biện chứng.	PLO11: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực y học dự phòng

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c. Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Tự luận có cấu trúc.

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 10\% + \text{TLGK} \times 20\% + \text{KT} \times 70\%.$$

CC: lượng giá chuyên cần

TLGK: lượng giá giữa kì (Tiểu luận)

KT: lượng giá kết thúc

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích : (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO2 (30%)		1					20
CLO3 (30%)				1			20
CLO4 (10%)			1				20
CLO5 (10%)			1				20
Tổng	1	1	2	1			100

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR HP (CLO)	PP dạy học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Chương 1: Khái luận về triết học I. Triết học là gì? II. Triết học phương Đông III. Triết học phương Tây hiện đại IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam	15	0	30	CLO1 CLO4 CLO5	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, seminar,..
Chương 2. Triết học mác – lenin I. Sự ra đời triết học Mác – Lênin II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử	15	0	30	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương

IV. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay					pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, seminar,..
Chương 3. Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	10	0	20	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, seminar,..
Chương 4. Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội I. Ý thức khoa học II. Khoa học công nghệ - động lực của sự PTXH III. Khoa học công nghệ ở VN	5	0	10	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, seminar,..

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Triết học Mác -Lênin* (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007 .

5.2. Tài liệu tham khảo

- C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Nguyễn Văn Tài. *Giáo trình Triết học Mác -Lênin* (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.
- Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web: <http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>
- <http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	ThS. Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trịnh Thị Thủy

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☒ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học- Nghiên cứu khoa học	
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	-
Số tiết	45	15	30	0	45
Số buổi	13	5	8	0	-

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng. PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa

		chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng. PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	
CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	
CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Viết đề cương

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	x	-

CLO2	-	-	X	-
CLO3	-	-	X	-
CLO4	-	-	X	-
CLO 5	-	-	X	-
CLO 6	-	-	X	-
CLO 7	-	-	X	-
CLO 8	-	-	X	-
CLO 9	-	-	X	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

CĐR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đã được đưa đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang)					
CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề

		nghiên cứu	(các số liệu thể hiện tính cấp bách)	cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không không bắt đầu bằng động từ nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (5-10 trang)					
CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo

				tin không có giá trị	
Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)					
CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và

					cách không chế sai số
	5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết
Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị					
CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC
Lập kế hoạch nghiên cứu					
CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ

					GANTT thể hiện kế hoạch NC
Tài liệu tham khảo					
CLO7, CLO8, CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
- Thời gian thi: 40 phút
- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%
CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} \times 0.5 + \text{LGKT} \times 0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu.	1	4	4	CLO1 , CLO7 , CLO8 ,	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	- LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp. - LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể				CLO9	- Báo cáo bài tập nhóm
2	Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo	1	4	4	CLO1 , CLO3 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
3	Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp	2	4	6	CLO1 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể	1	2	3	CLO2 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	Thiết kế công cụ thu thập thông tin Mục tiêu: - LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	1	3	3	CLO2 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

6	Sai số và nhiễu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu - LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC	1	2	3	CLO4 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
7	Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu Mục tiêu: - LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.	2	4	6	CLO5 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
8	Đạo đức trong nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học	2	0	4	CLO1 0	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
9	Trình bày kết quả nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.	1	2	3	CLO6 , CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
10	Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7 , CLO8 , CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
11	Cách viết đề cương nghiên cứu Mục tiêu:	1	4	4	CLO7 ,	- Thuyết trình

	- LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể				CLO8 , CLO9	- Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
--	--	--	--	--	-------------------	--

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.2. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.3. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS. Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☒ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Đơn vị phụ trách: Nhóm Thống kê Y sinh - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913 513 654	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	75	15	60	0	60
Số buổi	19	4	15	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khỏe cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm. Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng

phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO5	Phân biệt được nhiễu và việc sai lệch kết quả khi có nhiễu.	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng. PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khử nhiễu.	PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.

CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO10: Nhận thức được vị trí và vai trò của Thạc sĩ y học dự phòng trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	PLO10: Nhận thức được vị trí và vai trò của Thạc sĩ y học dự phòng trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.

- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần

- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 42 câu / 45 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng (Số câu)
CLO1 (16,6%)	3	3	1		7
CLO2 (16,6%)	3	3	1		7
CLO3 (16,6%)	3	3	1		7
CLO4 (16,6%)	3	3	1		7
CLO5 (16,6%)	3	3	1		7
CLO6 (16,6%)	3	3	1		7
Tổng (số câu)	18	18	6	0	42

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, cấu trúc đề thi như sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CĐRHP7 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP8 (20%)	-	-	x	-
CĐRHP9 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP10 (25%)	-	-	x	-
CĐRHP11 (10%)			x	
Tổng (100%)	-	-	5	-

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*1 + TH*2)/3$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	3	0	6	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm

Bài 7: Nhiều và không chế nhiều	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Tổng	15	0	30		

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 3: Quản lý số liệu	0	12	6	CLO7	Quan sát/Thực hành
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành

Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiều và không chế nhiều: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiều tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiều	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiều và không chế nhiều: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Tổng	0	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

Tài liệu học tập

Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng. Phạm Minh Khuê. Nhà xuất bản Y học, 2021.

Tài liệu tham khảo

- 1) Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu. Hoàng Văn Minh. Nhà xuất bản Y học, 2014.
- 2) Thống kê và ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường ĐH và CĐ / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 5. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2020.
- 3) Thống kê y tế công cộng. Phần phân tích số liệu: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Phạm Việt Cường. Nhà xuất bản Y học, 2009.
- 4) Thống kê y tế công cộng: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Lê Cự Linh. Nhà xuất bản Y học, 2009.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com

3	TS Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nthanhhai@hpmu.edu.vn
---	---------------------	---	--

6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành
2	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thanh Hải

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



DỊCH TẾ HỌC NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dịch tế học nâng cao	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Dịch tế học	
Email liên hệ: cktan@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0902086658	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	16	8	8	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Dịch tế học nâng cao là việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp dịch tế học phòng ngừa, chẩn đoán, tiên lượng bệnh tật. Nói tóm tắt, dịch tế học nâng cao cung cấp những thông tin, kiến thức dịch tế học ở chuyên sâu hơn vào một số bệnh hay lĩnh vực dự thể. thường tập trung vào việc ra quyết định ứng dụng, nhằm mục đích cải thiện kết quả ở cấp độ bệnh nhân.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcome - CLO)

CĐR	Mô tả CĐR của module/học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng các thiết kế cơ bản trong dịch tế học phân tích	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Đo lường sự xuất hiện của bệnh	
CLO3	Đo lường mối liên quan giữa phơi nhiễm và kết cục	

CĐR	Mô tả CĐR của module/học phần	CĐR của CTĐT
CLO4	Xác định, tính toán, phân tích các sai số hệ thống và nhiễu trong nghiên cứu dịch tễ học	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực YHDP. PLO10: Nhận thức được vị trí và vai trò của Thạc sĩ y học dự phòng trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO11: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực y học dự phòng
CLO5	Phân tích vai trò của nhiều biến số đối với một kết cục trong nghiên cứu dịch tễ học	
CLO6	Phân tích được dịch tễ học xã hội	
CLO7	Phân tích được dịch tễ học sức khỏe nghề nghiệp	
CLO8	Phân tích được dịch tễ học sức khỏe môi trường	
CLO9	Phân tích được dịch tễ học dinh dưỡng	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá học phần gồm:

a. Lượng giá thực hành

- Hình thức: Bài luận giải quyết tình huống
- Thời gian: Sau khi kết thúc học phần thực hành 1 tuần
- Chiến lược lượng giá thực hành:

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1: Áp dụng được các thiết kế cơ bản trong nghiên cứu dịch tễ học phân tích	-	-	x	-
CLO2: Đo lường được sự xuất hiện của hiện tượng sức khỏe, bệnh	-	-	x	-
CLO3: Tính toán và phân tích được mối liên quan giữa phơi nhiễm và kết cục	-	-	X	-
CLO4: Xác định, tính toán và phân tích được các sai số hệ thống, yếu tố nhiễu trong nghiên cứu dịch tễ học	-	-	x	-
CLO5: Phân tích đa biến trong nghiên cứu dịch tễ học	-	-	x	-

CLO6: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực xã hội	-	-	x	-
CLO7: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	-	-	x	-
CLO8: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực sức khỏe môi trường	-	-	x	-
CLO9: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực dinh dưỡng	-	-	x	-
Tổng	-	-	100%	-

b. Lượng giá lý thuyết cuối kỳ

- Hình thức: Câu hỏi MCQ
- Thời gian: Sau khi kết thúc toàn bộ học phần và sinh viên đạt phần thi thực hành
- Chiến lược lượng giá lý thuyết cuối kỳ:

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1: Áp dụng được các thiết kế cơ bản trong nghiên cứu dịch tễ học phân tích	0	0	15% (6 câu)	15% (6 câu)
CLO2: Đo lường được sự xuất hiện của hiện tượng sức khỏe, bệnh	0	0	10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO3: Tính toán và phân tích được mối liên quan giữa phơi nhiễm và kết cục	0	0	15% (6 câu)	15% (6 câu)
CLO4: Xác định, tính toán và phân tích được các sai số hệ thống, yếu tố nhiễu trong nghiên cứu dịch tễ học	0	0	10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO5: Phân tích đa biến trong nghiên cứu dịch tễ học	0		10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO6: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực xã hội	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
CLO7: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
CLO8: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực sức khỏe môi trường	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
CLO9: Trình bày và phân tích được dịch tễ học trong lĩnh vực dinh dưỡng	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
Tổng	0	40% (16 câu)	60% (24 câu)	100% (40 câu)

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0,4 + \text{LTCK} \times 0,6$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

T T	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
1	Các thiết kế cơ bản trong dịch tễ học phân tích	4	6	11	CLO 1	Thuyết trình, thảo luận, thực hành
2	Đo lường sự xuất hiện bệnh	4	6	11	CLO 2	Thuyết trình, thảo luận, thực hành
3	Đo lường mối liên quan giữa phơi nhiễm và kết quả	4	6	11	CLO 3	Thuyết trình, thảo luận, thực hành
4	Sai số và nhiễu trong nghiên cứu dịch tễ học	4	6	11	CLO 4	Thuyết trình, thảo luận, thực hành
5	Phân tích đa biến trong dịch tễ học	4	6	11	CLO 5	Thuyết trình, thảo luận, thực hành
6	Dịch tễ học xã hội	2	0	4	CLO 6	Thuyết trình; Thảo luận
7	Dịch tễ học nghề nghiệp	2	0	4	CLO 7	Thuyết trình; Thảo luận
8	Dịch tễ học môi trường	2	0	4	CLO 8	Thuyết trình; Thảo luận
9	Dịch tễ học dinh dưỡng	2	0	4	CLO 9	Thuyết trình; Thảo luận
	Tổng	30	30	75		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Giáo trình do bộ môn biên soạn: *Dịch tễ học nâng cao*, BM Dịch tễ học, Khoa Y tế công cộng, trường đại học Y Dược Hải Phòng (2022)

5.2. Tài liệu tham khảo

Tổ chức y tế thế giới. Dịch tễ học cơ bản. Tái bản lần 2. Nhà xuất

Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Sơn. Dịch tễ học – chìa khóa của y học dự phòng, NXB Y học, 2014.

Moyses Szklo, Javier Nieto. Epidemiology: Beyond the basics. Fourth edition. Jones&Bartlett Learning, 2019.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Chu Khắc Tân	BM. Dịch tễ học	cktan@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Văn Hán	BM. Dịch tễ học	pvhan@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	BM. Dịch tễ học	ntthtao@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn
- Giảng đường

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

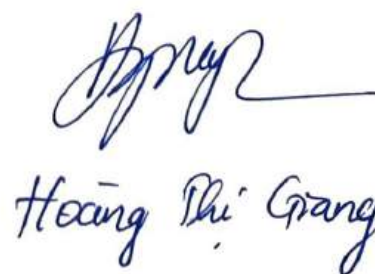
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Chu Khắc Tân

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

NÂNG CAO SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Nâng cao sức khỏe		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng		
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành Ngành	Chuyên ngành ☒ Tự chọn
Đơn vị phụ trách: Bộ môn Y học xã hội Email liên hệ: ttbhoi@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0907239666		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	03	02	01	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	16	08	08	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Thực tế để hình thành, duy trì bền vững hành vi sức khỏe lành mạnh, điều mà chúng ta mong muốn ở đối tượng, đối tượng cần được tác động từ nhiều yếu tố. Quá trình này phải diễn ra và tích hợp trong những môi trường thuận lợi, với những chính sách thích hợp, đồng thời các cá nhân tham gia phải có những kỹ năng cần thiết. Môn học Nâng cao sức khỏe tập trung đề cập đến quá trình GDSK nhằm nâng cao kiến thức, thay đổi thái độ và hành vi của đối tượng theo hướng tích cực, có lợi cho sức khỏe. Đồng thời, nội dung học phần này cũng bao gồm những nội dung cơ bản của NCSK, các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe, những kỹ năng chính trong NCSK và triển khai các chương trình NCSK tại cộng đồng. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong các lĩnh vực công tác sau này của người cán bộ y tế đặc biệt là cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe, các yếu tố tác động đến hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Hiểu biết được các nguyên tắc chính của Nâng cao sức khỏe. Giải thích những chiến lược hành động chính của Nâng cao sức khỏe ở các nước đang phát triển.	
CLO3	Hiểu biết được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe và các mô hình nâng cao sức khỏe.	
CLO4	Hiểu biết Phương pháp truyền thông sức khỏe và các kỹ năng truyền thông giao tiếp	
CLO5	Hiểu biết các phương pháp và kỹ năng cần thiết trong đánh giá nhu cầu sức khỏe và các bước của đánh giá nhu cầu sức khỏe.	
CLO6	Giải thích được các tiêu chuẩn của mục tiêu và các loại mục tiêu, phân tích được các bước trong bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK	
CLO7	Phân tích được các loại đánh giá, phương pháp và kỹ năng cần thiết trong thực hiện đánh giá một chương trình giáo dục, nâng cao sức khỏe.	
CLO8	Phân tích được mục tiêu và ý nghĩa của Phát triển cộng đồng trong Nâng cao sức khỏe, giải thích được cách thiết kế một dự án Phát triển cộng đồng trong Nâng cao sức khỏe.	
CLO9	Vận dụng các phương pháp truyền thông sức khỏe và các kỹ năng truyền thông giao tiếp để thực hiện một buổi TT – GDSK (cho cá nhân hoặc cộng đồng)	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng PLO5: Giám sát, đánh giá các hoạt động của chương trình y tế triển khai tại cộng đồng.
CLO10	Vận dụng các phương pháp và kỹ năng cần thiết trong đánh giá nhu cầu sức khỏe để phân tích được các bước của đánh giá nhu cầu sức khỏe.	
CLO11	Xây dựng được các mục tiêu, chiến lược cho một chương trình NCSK. Lập được bản kế hoạch hành động cho chương trình NCSK.	

CLO12	Viết được các câu hỏi chính và xác định được các chỉ số cho từng loại đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe.	PLO7: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO13	Thiết kế một dự án Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	
CLO14	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Nâng cao sức khỏe trong chiến lược chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực YHDP
CLO15	Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật và triển khai các chương trình NCSK để nâng cao sức khỏe cộng đồng. Làm việc nhóm hiệu quả trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PLO10: Quản lý, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn YHDP

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm: Lượng giá kết thúc (thực hành và lý thuyết).

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh
- Nội dung: Điểm danh trong tất cả các buổi học lý thuyết (8 buổi) và thực hành (8 buổi).
- Thời gian: Trong các buổi học

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành
- Thời gian: Sau khi kết thúc môn học 1- 4 tuần

+ *Lý thuyết*: Tự luận có cấu trúc

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (30%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO2 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO3 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO4 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO5 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO6 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO7 (10%)	2	2	1	0	0	0	5
CLO8 (10%)	2	2	1	0	0	0	5

Tổng	16 (40%)	16 (40%)	8 (20%)	0	0	0	40 (100%)
-------------	---------------------------	---------------------------	--------------------------	----------	----------	----------	----------------------------

+ Thực hành: Bài thu hoạch khi kết thúc học phần

- Lượng giá CDRHP9: Chia nhóm đóng vai
- Lượng giá CDRHP10, CDRHP11, CDRHP12, CDRHP13: Bài thu hoạch cuối học phần (nộp cá nhân)

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO9 (20%)	0	0	1	0
CLO10 (20%)	0	0	1	0
CLO11 (20%)	0	0	1	0
CLO12 (20%)	0	0	1	0
CLO13 (20%)	0	0	1	0
Tổng	0	0	5	0

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH)/3$$

Đánh giá:

- Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.
- Điểm TKHP ≥ 4 điểm (thang điểm 10) thì đạt, điểm TKHP < 4 điểm thì học lại theo quy chế.
- Trường hợp điểm LTCK < 2.0 thì điểm TKHP = 0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý Thuyết

TT	Nội dung	Số tiết		CDR học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Tự học		
1	Bài 1: Các yếu tố xã hội quyết định sức khỏe	4	8	CLO 1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
2	Bài 2: Giới thiệu về nâng cao sức khỏe	3	6	CLO 2	Thuyết trình; Clicker;

					Thảo luận tình huống
3	Bài 3: Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	8	CLO 1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
4	Bài 4: Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	4	8	CLO 3	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
5	Bài 5: Phương pháp truyền thông sức khỏe	3	6	CLO 4	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
6	Bài 6: Đánh giá nhu cầu sức khỏe	3	6	CLO 5	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
7	Bài 7: Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	3	6	CLO 6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
8	Bài 8: Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe	3	6	CLO 7	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
9	Bài 9: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	3	6	CLO 8	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
		Thực hành	Tự học		
1	Bài 1: Phương pháp truyền thông sức khỏe	6	4	CLO 6 CLO 9	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm, đóng vai

2	Bài 2: Đánh giá nhu cầu sức khỏe	8	4	CLO 6 CLO 10	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
3	Bài 3: Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	6	3	CLO 6 CLO 11	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
4	Bài 4: Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe	5	2	CLO 6 CLO 12	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm
5	Bài 5: Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	5	2	CLO 6 CLO 13	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm việc nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Y học xã hội. Tài liệu phát tay “Nâng cao sức khỏe”.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe : Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC.

Nhà xuất bản Y học, 2006 (chỉ đạo biên soạn Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo).

[2] Bộ Y tế (2007). Giáo dục và nâng cao sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.

[3] Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe : Sách dùng đào tạo cử nhân YTCC /
Nguyễn Văn Hiến. - H. : Y học, 2006.

[4] Klaus Krickeberg và CS (2014). Giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	BSCKII. Trần Thị Bích Hồi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn
2.	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



BS. CKII. Trần Thị Bích Hôi

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sức khỏe môi trường	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương ☒ Chuyên ngành Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn Ngành
Đơn vị phụ trách: BM. Sức khỏe môi trường - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: ntmngoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0934 433 789	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2		
Số tiết	90	30	60		90
Số buổi	18	6	12		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp NCKH, Thống kê y sinh
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Sức khỏe môi trường là lĩnh vực trong y tế cộng đồng mà giải quyết các yếu tố lý, hoá học, sinh học và tâm lý xã hội trong môi trường nhằm kiểm soát và dự phòng các mối nguy môi trường cũng như thúc đẩy sức khỏe tình trạng thoải mái thông qua các chiến lược môi trường. Học phần nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm chính của sức khỏe môi trường, những yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Cách tiếp cận nghiên cứu phát hiện và giải pháp giải quyết, dự phòng đối với sức khỏe môi trường và sức khỏe cộng đồng; Sự phối hợp các cơ quan liên quan trong giải quyết vấn đề môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Mục tiêu học phần: Vận dụng kiến thức các môn chuyên ngành để xác định và đánh giá nguy cơ do phơi nhiễm với các tác nhân ô nhiễm môi trường, trên cơ sở đó, đề

xuất các giải pháp can thiệp và dự phòng tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Nhận diện các vấn đề sức khỏe môi trường của cộng đồng ở Việt Nam và thế giới	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Giải thích các khái niệm cơ bản về dịch tễ học môi trường, khung đánh giá và quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO3	Áp dụng cách tiếp cận hệ sinh thái Ecohealth và One Health trong phát hiện, đánh giá nguy cơ và dự phòng, kiểm soát một số vấn đề sức khỏe môi trường	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO4	Áp dụng khung đánh giá, quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường trong dự phòng và giải quyết một số vấn đề sức khỏe môi trường cộng đồng	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO5	Tôn trọng ý kiến của các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe môi trường của cộng đồng	PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
 - o Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 20%
 - o Tham gia đầy đủ buổi thực hành, bài tập nhóm
 - o Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm
- Thời gian: trong suốt quá trình học

b) Lượng giá lý thuyết

- Hình thức: thi viết (3 câu)
- Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.

- Cấu trúc đề thi theo ma trận sau: 40 phút/câu hỏi x 3 câu

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng
CLO1		2			2
CLO2			1		1
Tổng		2	1		3

c) **Lượng giá thực hành:** trình bày báo cáo SBL theo nhóm

- Hình thức: báo cáo SBL của từng bài thực hành
- Thời gian: sau khi học viên học xong từng bài thực hành
- Điểm lượng giá thực hành được tính bằng trung bình cộng các bài thực hành trong chương trình học
- Ma trận lượng giá thực hành:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (50%)			1 (50%)	
CLO4 (50%)			1 (50%)	
Tổng			2 (100%)	

3.2. Đánh giá học phần: Điểm TKHP = (LT + TH)/2

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Lý thuyết					
Bài 1: Đại cương về sức khỏe môi trường	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 2: Đánh giá và quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường	6	0	12	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 3: Dịch tễ học môi trường	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 4: Cách tiếp cận hệ sinh thái đối với các vấn đề sức khỏe - Ecohealth	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; SBL

Bài 5: Cách tiếp cận một sức khỏe trong phòng chống các bệnh truyền lây giữa động vật và người	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận
Bài 6: Phát triển bền vững và các vấn đề sức khỏe môi trường	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Bài 7: Đánh giá tác động sức khỏe	4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận SBL
Phần thực hành					
Bài 1: Đánh giá chất lượng nước sinh hoạt	0	4	2	CLO1, CLO3	Kiến tập, thao tác, SLB
Bài 2: Thăm quan cơ sở cung cấp nước sạch	0	6	3	CLO1, CLO3	Kiến tập, Thảo luận nhóm
Bài 3: Thăm nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải rắn	0	10	4	CLO1, CLO3	Thảo luận, SBL; trình bày báo cáo
Bài 4: Áp dụng khung đánh giá nguy cơ sức khỏe môi trường (<i>thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, và các hợp chất hữu cơ bền vững trong môi trường,...</i>)	0	10	5	CLO2, CLO4	Thảo luận nhóm; SBL Mô phỏng
Bài 5: Cách tiếp cận hệ sinh thái đối với bệnh truyền nhiễm - Ecohealth		10	5	CLO1; CLO2	SBL
Bài 6: Cách tiếp cận hệ sinh thái đối với vấn đề đô thị hoá - Ecohealth	0	10	5	CLO2, CLO4	Thảo luận nhóm; SBL Mô phỏng
Bài 7: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và sức khỏe	0	10	5	CLO2, CLO4	Thảo luận nhóm; SBL Mô phỏng

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

1. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên) 2016. *Sức khỏe môi trường (Giáo trình giảng dạy cao học và chuyên khoa I Y tế công cộng)*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Quốc hội (2020), *Luật bảo vệ môi trường*.
3. Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). *Sức khỏe môi trường*, NXB Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đức Hình, Lê Thị Hương và nhóm tác giả Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam (VOHUN) (2015). *Giáo trình Một sức khỏe trong y học dự phòng và y tế công cộng - Dành cho sinh viên năm thứ sáu*. – Tài trợ bởi Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Việt Hùng, Trần Thị Tuyết Hạnh (2016). *Tiếp cận hệ sinh thái đối với sức khỏe (Ecohealth) - Lý thuyết và áp dụng trong nghiên cứu Sức khỏe môi trường tại Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- [3] Nguyen Thi Minh Ngoc, Nguyen Van Chuyen, Nguyen Thi Thu Thao et al (2020). Chromium, Cadmium, Lead, and Arsenic Concentrations in Water, Vegetables, and Seafood Consumed in a Coastal Area in Northern Vietnam, *Environmental Health Insights*; Volume 14: 1–9
- [4] Van den Berg H, Gu B, Grenier B et al (2020). Pesticide lifecycle management in agriculture and public health: Where are the gaps? *Sci Total Environ*. 2020 Nov 10;742:140598. doi: 10.1016/j.scitotenv.2020.140598. Epub 2020 Jun 30. PMID: 32629272; PMCID: PMC7487288.
- [5] Vera-Herrera L, Sadutto D, Picó Y. Non-Occupational Exposure to Pesticides: Experimental Approaches and Analytical Techniques (from 2019) (2021). *Molecules*. 2021;26(12):3688. Published 2021 Jun 16. doi:10.3390/molecules26123688
- [6] F Racioppi, M Martuzzi, S Matić, M Braubach, G Morris, M Krzyżanowski, D Jarosińska, O Schmoll, D Adamonytė (2020), Reaching the sustainable development goals through healthy environments: are we on track?, *European Journal of Public Health*, Volume 30, Issue Supplement_1, March 2020, Pages i14–i18, <https://doi.org/10.1093/eurpub/ckaa028>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách cán bộ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Dương Thị Hương	Khoa YTCC	dthuong@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Khoa YTCC	ntmngoc@hpmu.edu.vn

6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC	Hỗ trợ hướng dẫn thực tập
2	Bùi Thị Hương	Khoa YTCC	Hỗ trợ hướng dẫn thực tập
3	Nguyễn Bích Phương	Khoa YTCC	Hỗ trợ hướng dẫn thực tập

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

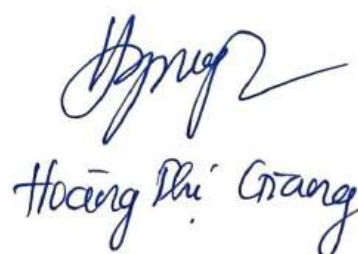
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Trang

SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sức khỏe nghề nghiệp	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành. Ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Tự chọn
Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp – Khoa YTCC	
Email liên hệ: htgiang@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904135488	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành (cộng đồng)	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	0	
Số tiết	90	30	90	0	90
Số buổi	22	7	15	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Người lao động luôn có nguy cơ phơi nhiễm với nhiều yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động, ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe người lao động mà còn gây tổn kém chi phí điều trị và giảm năng suất lao động. Việc thực hiện đánh giá các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động, áp dụng các biện pháp dự phòng sớm nhằm khống chế các yếu tố nguy cơ đó có vai trò rất quan trọng trong dự phòng sớm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, cải thiện sức khỏe và nâng cao năng suất lao động. Môn học này sẽ giúp học viên có những kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ thống sức khỏe nghề nghiệp, các tác hại nghề nghiệp và biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp, từ đó đề xuất và áp dụng được các biện pháp cải thiện và nâng cao sức khỏe người lao động.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Xây dựng được bộ máy tổ chức quản lý sức khỏe và công tác an toàn vệ sinh lao động cho các cơ sở sử dụng lao động theo các quy định pháp lý tại Việt Nam.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Phân tích được các yếu tố tác hại nghề nghiệp và ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khỏe và an toàn của người lao động	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO3	Phân tích được các biện pháp quản lý nguy cơ, phòng chống tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
CLO4	Áp dụng được nội dung cơ bản của dịch tễ học trong thiết kế các nghiên cứu về lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng. PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO5	Xác định được các yếu tố nguy cơ tác hại nghề nghiệp trong quá trình lao động	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO6	Lập được hồ sơ quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO7	Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng chống tai nạn lao	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

	động và bệnh nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
CLO8	Áp dụng được kỹ thuật thống kê và dịch tễ học trong công tác về sức khỏe nghề nghiệp	PLO3: Giải thích được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y học dự phòng. PLO8: Thực hiện được các nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực y học dự phòng.
CLO9	Có thái độ nghiêm túc trong đề xuất và áp dụng các giải pháp nhằm bảo vệ sức khỏe, phòng chống tai nạn lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất	PLO10: Quản lý, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn YHDP.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
 - o Bài tập cá nhân/bài tập nhóm cho các buổi lý thuyết
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \times 2 + \text{TH}) / 3$$

- Hình thức:
 - + Lý thuyết: thi tự luận có cấu trúc, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng (số câu)
CLO1 (25 %)			25% (1 câu)		25% (1 câu)
CLO2 (25 %)				25% (1 câu)	25% (1 câu)
CLO3 (25 %)				25% (1 câu)	25% (1 câu)
CLO4 (25 %)			25% (1 câu)		25% (1 câu)
Tổng (số câu)	0	0	25% (1 câu)	75% (3 câu)	100% (4 câu)

+ Thực hành: Học viên nộp báo cáo thực hành cho từng nội dung bài học, chấm và lấy điểm trung bình các bài là điểm thực hành cuối học phần theo ma trận sau:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO5 (25%)	-	-	x	-
CLO6 (25%)	-	-	x	-
CLO7 (25%)	-	-	x	-
CLO8 (25%)	-	-	x	-
Tổng (100%)	-	-	4	-

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.2. Lý thuyết

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết		CĐR học phần	Phương pháp dạy học
		LT	Tự học		
1	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý sức khỏe và công tác an toàn, vệ sinh lao động tại Việt nam	4	8	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
2	Tổ chức bộ máy quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động, trách nhiệm và quyền hạn về công tác ATVSLĐ tại cơ sở làm việc	4	8	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
3	Quản lý các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong môi trường lao động	4	8	CLO2	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	3.1. Ảnh hưởng các yếu tố tác hại nghề nghiệp tới sức khỏe.				
	3.2. Phương pháp quản lý nguy cơ trong sức khỏe và nghề nghiệp				
4	Đại cương về bệnh nghề nghiệp	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	4.1. Khái niệm, phân loại, nguyên tắc chẩn đoán				
	4.2. Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bảo hiểm tại Việt Nam				
	4.3. Quản lý bệnh nghề nghiệp				
5	Đại cương về tai nạn lao động	4	8	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	5.1. Khái niệm, phân loại				
	5.2. Dịch tễ học tai nạn lao động trên thế giới và tại Việt Nam				

	5.3. Chỉ số giám sát tai nạn lao động				Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	5.4. Các chiến lược phòng chống tai nạn lao động				
6	Giám sát môi trường và tình trạng sức khỏe công nhân	4	8	CLO2,3	
	6.1. Nguyên lý giám sát môi trường lao động				
	6.2. Lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động				Thuyết trình/ thảo luận nhóm
	6.3. Quản lý sức khỏe người lao động				
7	Ứng dụng DTH trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	6	12	CLO4	
	Tổng	30	60		

4.3. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		TH	Tự học		
1	Thiết kế đề cương nghiên cứu trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp	15	5	CLO5	Quan sát/kiến tập/báo cáo
2	Lập kế hoạch và tổ chức khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám sức khỏe định kì,	15	5	CLO6, CLO7	Đi thực hành 4 tuần tại khoa Sức khỏe nghề nghiệp - CDC, kiến tập/báo cáo
3	Lập kế hoạch và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp và quản lí bệnh nghề nghiệp	15	5	CLO6, CLO7	
4	Lập sổ theo dõi sức khỏe, sổ theo dõi bệnh nghề nghiệp	15	5	CLO6, CLO7	
5	Giám định bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động	15	5	CLO6, CLO7	
6	Lập hồ sơ vệ sinh lao động, lập kế hoạch và tổ chức quan trắc môi trường, đánh giá yếu tố tác hại nghề nghiệp tại nơi làm việc	15	5	CLO6, CLO7	
	Tổng	90	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] *Tài liệu phát tay*, Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thị Hồng Tú (2003). *Ảnh hưởng một số nguy cơ nghề nghiệp trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa đến sức khỏe người lao động và giải pháp can thiệp*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[2] Lê Trung (1994). *Bệnh nghề nghiệp, Tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.

[3] Lê Trung (2000). *Bệnh nghề nghiệp, Tập 3*, NXB Y học, Hà Nội.

[4] Bộ Y tế (2007). *Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường: Phần sức khỏe nghề nghiệp: sách đào tạo bác sĩ đa khoa*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thúy Quỳnh (2016). *Sức khỏe nghề nghiệp: Giáo trình đào tạo Y tế công cộng và quản lý bệnh viện*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[6] Bộ Y tế - Viện Y học lao động và vệ sinh môi trường (2002). *Tâm sinh lý lao động và Ec-gô-nô-mi*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách cán bộ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Phạm Minh Khuê	Bộ môn SKNN – Khoa YTCC	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS Hoàng Thị Giang	Bộ môn SKNN – Khoa YTCC	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Bộ môn SKNN – Khoa YTCC	nthanhhai@hpmu.edu.vn

6.2. Danh sách cán bộ tham gia hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	ThS Phạm Thị Ngọc	Bộ môn SKNN – Khoa YTCC	phamthingock33h@gmail.com

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hoàng Thị Giang

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm/ Nutrition and Food safety	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành. Ngành ☒ Chuyên ngành Tự chọn
Bộ môn phụ trách: Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm Email liên hệ: nttham@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987137697	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		75
Số buổi	15	8	7		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần lý thuyết cung cấp cho học viên kiến thức về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, nguyên nhân, yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng chống các vấn đề về dinh dưỡng và thực phẩm cộng đồng. Học phần thực hành học viên có cơ hội vận dụng kiến thức phân lý thuyết để xác định vấn đề, xây dựng các giải pháp can thiệp để giải quyết vấn đề về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm của cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Xác định các vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được

CLO2	Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng và thực phẩm ưu tiên cho cộng đồng	kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO3	Phân tích mối nguy an toàn thực phẩm	PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.
CLO4	Lắng nghe, tôn trọng ý kiến của cộng đồng về nhu cầu chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	PLO10: Nhận thức được vị trí và vai trò của Thạc sĩ y học dự phòng trong hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 10% số buổi học
- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành
- Hoàn thành các bài tập cá nhân/nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LT} \times 0,6 + \text{TH} \times 0,4$$

- Hình thức:
- + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc trong 45 phút

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (40%)		40				40
CLO2 (30%)			30			30
CLO3 (30%)		30				30
Tổng		70	30			100

- + Thực hành: Bài thu hoạch cá nhân/nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1 (70%)			x	
CLO2 (30%)			x	
Tổng				

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		

Dinh dưỡng hợp lý với sức khỏe và bệnh tật			3	PLO1 PLO2 PLO3	Nghiên cứu tài liệu
Dinh dưỡng và hoạt động thể lực trong nâng cao sức khỏe và phòng bệnh.	4		4		Thuyết trình; Thảo luận
Chiến lược quốc gia dinh dưỡng - nhu cầu khuyến nghị	4		4		Thuyết trình; Thảo luận
Dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời	4		4		Thuyết trình; Thảo luận
Dinh dưỡng trong dự phòng một số bệnh mạn tính			8		Nghiên cứu tài liệu
Truyền thông giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	2	6	10		Thuyết trình; Thảo luận
Can thiệp dinh dưỡng	4		4		Thuyết trình; Thảo luận
Giám sát dinh dưỡng	2		6		Thuyết trình; Thảo luận
Phân tích nguy cơ ô nhiễm thực phẩm	4		8		Thuyết trình; Thảo luận
Các mối nguy an toàn thực phẩm, nguy cơ và tác động sức khỏe	4	4	6		Thuyết trình; Thảo luận
Một số quy định pháp luật về an toàn thực phẩm	2		4		Thuyết trình; Thảo luận
Xác định các vấn đề dinh dưỡng, thực phẩm ở cộng đồng		4	4	PLO1 PLO2 PLO4	Tình huống cộng đồng
Lựa chọn các phương pháp can thiệp dinh dưỡng, thực phẩm ở cộng đồng		4	4		Tình huống cộng đồng
Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng, thực phẩm tại cộng đồng		12	6		Tình huống cộng đồng
Tổng	30	30	75		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, trường đại học Y Hải Phòng (2022). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm – Tài liệu dành cho Thạc sĩ Y học dự phòng

5.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Hải Phòng (2012). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học

- Nguyễn Quốc Triệu, Phạm Lê Tuấn (2019). Dinh dưỡng trong dự phòng và điều trị một số bệnh mạn tính. Nhà xuất bản y học
- Trường Đại học Y Phạm Ngọc Thạch (2020). Dinh dưỡng cộng đồng. Nhà xuất bản Y học
- Trường Đại học Y Phạm Ngọc Thạch (2020). An toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	TS. Nguyễn Thị Thắm	BM Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm	nttham@hpmu.edu.vn
2.	PGS.TS.Trương T Tuyết Mai	Viện Dinh dưỡng	truongmai1976@gmail.com
3.	TS. Nguyễn Thị Thùy Linh	BM Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm	ntthuylinh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Thắm

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



KINH TẾ Y TẾ VÀ BẢO HIỂM Y TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng		
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành Ngành	Chuyên ngành ☒ Tự chọn
Đơn vị phụ trách: Bộ môn Y học xã hội Email liên hệ: ttbhoi@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0907239666		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	03	02	01	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	15	08	08	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Những chính sách về Y tế - Bảo hiểm xã hội liên quan chặt chẽ đến các nội dung của kinh tế y tế cũng như hoạt động chuyên môn của các bác sĩ hoạt động trong lĩnh vực điều trị và dự phòng. Việc trang bị kiến thức Kinh tế y tế trở nên cần thiết, không chỉ đối với các nhà hoạch định chính sách, những cán bộ quản lý mà cho cả cán bộ y tế, các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực YTCC. “Kinh tế y tế” là môn học cung cấp các kiến thức về việc sử dụng nguồn lực trong ngành y tế sao cho hiệu quả nhất.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR	ĐT
CLO1	Xác định được các đặc điểm cơ bản (về chi phí cơ hội, cân bằng cung cầu) của thị trường chăm sóc sức khỏe.	PLO2: Vận dụng chuyên ngành y	kiến thức phòng

CLO2	Mô tả các bước tính chi phí. Giải thích được vai trò của phân tích chi phí trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch.	trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO3	Mô tả đặc điểm và khả năng áp dụng, phân tích được các bước của 3 phương pháp đánh giá kinh tế y tế.	
CLO4	Mô tả các bước tính toán đánh giá gánh nặng bệnh tật.	
CLO5	Giải thích được sự khác biệt giữa các mô hình tài chính y tế. Phân tích được tình hình tài chính y tế Việt Nam hiện nay.	
CLO6	Hiểu biết nguyên lý của bảo hiểm y tế, các vấn đề gặp phải khi thực hiện bảo hiểm y tế. Phân tích tác động tích cực và tiêu cực của viện phí. Hiểu biết các nguyên tắc để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.	
CLO7	Vận dụng các khái niệm thị trường, cung, cầu, cân bằng cung - cầu để lý giải và thực hiện các bài toán về thị trường, thị trường chăm sóc sức khỏe.	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO8	Thực hiện được cách tính chi phí cho một trường hợp mắc bệnh và cho một chương trình chăm sóc sức khỏe.	
CLO9	Tính toán và đưa ra quyết định của bài tập phân tích chi phí - hiệu quả, chi phí - lợi ích, chi phí - thỏa dụng. Làm các bài tập tính toán QALYs.	
CLO10	Làm các bài tập tính toán đơn giản các thành phần của DALY.	
CLO11	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Kinh tế y tế trong quản lý và giám sát, trong đánh giá hiệu quả và lập kế hoạch.	PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực YHDP
CLO12	Sẵn sàng áp dụng những phương pháp, kỹ thuật trong Kinh tế y tế trong các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. **Lượng giá học phần gồm:** Lượng giá kết thúc (thực hành và lí thuyết).

a) **Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: Điểm danh
- Nội dung: Điểm danh trong tất cả các buổi học lý thuyết (8 buổi) và thực hành (8 buổi).
- Thời gian: Trong các buổi học

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành
- Thời gian: Sau khi kết thúc môn học 1- 4 tuần

+ *Lý thuyết*: Tự luận có cấu trúc

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (12%)	0	2	2	1	0	0	5
CLO2 (12%)	2	1	2	0	0	0	5
CLO3 (28%)	4	4	4	0	0	0	12
CLO4 (14%)	2	2	2	0	0	0	6
CLO5 (10%)	2	2	0	0	0	0	4
CLO6 (24%)	4	4	2	0	0	0	10
Tổng	14 (33%)	15 (36%)	12 (28%)	1 (3%)	0	0	42 (100%)

+ Thực hành: Bài thu hoạch khi kết thúc học phần:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO7 (25%)	0	1	1	0
CLO8 (25%)	0	1	1	0
CLO9 (25%)	0	1	1	0
CLO10 (25%)	0	1	1	0
Tổng	0	4	4	0

+ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm*:

- Các hành vi được làm:

- o Tham dự các buổi học đủ và đúng giờ quy định. Trong trường hợp nghỉ học vì lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- o Tôn trọng người dạy và người học.

- Các hành vi không được làm:

- o Không làm việc riêng trong quá trình học
- o Làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học

- Ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 2 + \text{TH} \cdot 1) / (2 + 1)$$

Đánh giá:

- Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.
- Điểm TKHP ≥ 4 điểm (thang điểm 10) thì đạt, điểm TKHP < 4 điểm thì học lại theo quy chế.
- Trường hợp điểm LTCK < 2.0 thì điểm TKHP = 0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Kinh tế học và kinh tế học trong y tế	4		8	CLO 1	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 2: Phân tích chi phí	4		8	CLO 2	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 3: Thẩm định kinh tế - Đo lường kết quả 1. Thẩm định kinh tế 2. Phân tích chi phí - hiệu quả 3. Phân tích chi phí - lợi ích 4. Phân tích giá thành và thỏa dụng	8		4	CLO 3	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 4: Đo lường và đánh giá gánh nặng bệnh tật của cộng đồng trong phân tích kinh tế	4		8	CLO 4	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 5: Tài chính y tế	4		8	CLO 5	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống

Bài 6: Viện phí	3		6	CLO 6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 7: Bảo hiểm y tế	3		6	CLO 6	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống
Bài 1: Kinh tế học và kinh tế học trong y tế		6	3	CLO 7	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 2: Phân tích chi phí		6	3	CLO 8	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 3: Thẩm định kinh tế - Đo lường kết quả 1. Phân tích chi phí – hiệu quả 2. Phân tích chi phí – lợi ích 3. Phân tích giá thành và thỏa dụng		12	6	CLO 9	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT
Bài 4: Đo lường và đánh giá gánh nặng bệnh tật của cộng đồng trong phân tích kinh tế		6	3	CLO 10	Thuyết trình; Clicker; Thảo luận tình huống Làm các bài tập giả định về KTYT

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

[1] Bộ môn Y học xã hội. *Tài liệu phát tay “Kinh tế y tế”*.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Bộ Y tế, (2007). *Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế*. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.

[2] Trương Việt Dũng (2001), *Đo lường và đánh giá gánh nặng bệnh tật của cộng đồng trong phân tích kinh tế y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

[3] *Kinh tế y tế và bảo hiểm y tế* (2007): Sách đào tạo bác sĩ đa khoa. - H. : Y học.

[4] Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (1995), *Kinh tế học*, Hà Nội, (sách dịch từ Economics của David Begg và cộng sự).

[5] Vũ Xuân Phú (2012), *Khái niệm cơ bản về kinh tế y tế và tài chính y tế: Tài liệu đào tạo liên tục cho cán bộ quản lý ngành y tế tuyến tỉnh và tuyến trung ương*. H. : Lao động xã hội.

[6] Phạm Hồng Hải (2015), Đại học Thái Nguyên, Trường đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, *Giáo trình Đánh giá và dự báo Y tế*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[7] Phạm Hồng Hải (2015), Đại học Thái Nguyên, Trường đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, *Giáo trình Cầu và Nhu cầu trong chăm sóc sức khỏe*, NXB Đại học Thái Nguyên.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	BSCKII. Trần Thị Bích Hồi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC	nthai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...

- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



BS. CKII. Trần Thị Bích Hồi

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



QUẢN LÝ Y TẾ - CHÍNH SÁCH Y TẾ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Quản lý y tế và chính sách y tế	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành Ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Tự chọn
Khoa phụ trách: Khoa Y tế công cộng Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0903 267 059	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	
Số tiết	90	30	60	90
Số buổi	23	8	15	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Quản lý y tế - chính sách y tế giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý của ngành y tế. Môn học này trang bị cho học viên những kiến thức về chính sách, những kỹ năng về tổ chức, quản lý, giúp cho những cán bộ quản lý đang công tác ở các tuyến trong ngành y tế phát huy nội và ngoại lực tại các vùng, miền nơi công tác với hiệu quả cao nhất.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Vận dụng được các quan điểm của Đảng, và Chính sách của Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân	PLO1. Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.
CLO2	Phân tích và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng	PLO4. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO3	Lập được bản kế hoạch giải quyết một vấn đề sức khỏe cộng đồng	PLO4. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO4	Thiết kế được chương trình giám sát, đánh giá các hoạt động y tế triển khai tại cộng đồng	PLO5: Giám sát, đánh giá các hoạt động của chương trình y tế triển khai tại cộng đồng.
CLO5	Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.	PLO10: Quản lý, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn YHDP

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
 - Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH) / 3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc: đề thi gồm 2 câu, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (50%)	0	0	1	0	0	1
CLO2 (50%)	0	0	0	1	0	1

Tổng	0	0	1	1	0	2
-------------	----------	----------	----------	----------	----------	----------

+ Thực hành: học viên đi thực hành và viết báo cáo thực hành cho mỗi buổi theo nhóm.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (40%)	-	-	x	-
CLO4 (30%)	-	-	x	-
CLO5 (30%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	3	0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

	Số tiết			CDR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1. Đại cương về tổ chức và hệ thống y tế LLO1. Trình bày được các thành phần cơ bản của Hệ thống y tế LLO2. Phân tích được các đặc điểm của mô hình Hệ thống y tế Việt Nam. LLO3. Vận dụng được kiến thức về hệ thống y tế để phân tích tổ chức của các tuyến trong hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam	3		6	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
Bài 2. Đại cương về quản lý và quản lý y tế LLO1. Trình bày được các khái niệm và bản chất quản lý LLO2. Trình bày được chu trình và các chức năng cơ bản của quản lý LLO3. Liệt kê một số nguyên tắc chính của quản lý LLO4. Trình bày được các nội dung chính của quản lý trong 1 cơ sở y tế LLO5. Nêu được một số năng lực phẩm chất cơ bản của người quản lý	2	2	6	CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
Bài 3. Người cán bộ lãnh đạo và quản lý	2	2	6	CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận

LLO1. Trình bày một số khái niệm về lãnh đạo và quản lý, vai trò của lãnh đạo và quản lý LLO2. Trình bày phân loại cán bộ quản lý LLO3. Phân tích được các kỹ năng và phẩm chất người lãnh đạo và quản lý cần có					
Bài 4. Phân tích các vấn đề sức khỏe y tế công cộng LLO1. Diễn giải được khái niệm vấn đề sức khỏe công cộng, xác định vấn đề sức khỏe công cộng LLO2. Áp dụng được phương pháp xác định các vấn đề sức khỏe công cộng	3	8	14	CLO2	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 5. Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng LLO1. Trình bày những điều cần lưu ý trong xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên. LLO2. Phân tích thang điểm cơ bản và các yếu tố để xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên LLO3. Trình bày vai trò của xác định mục tiêu đúng trong YTCC LLO4. Áp dụng viết được các loại mục tiêu y tế	3	8	14	CLO2	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 6. Xây dựng kế hoạch y tế LLO1. Giải thích được những khái niệm cơ bản kế hoạch và lập kế hoạch. LLO2. Trình bày được nội dung và các bước lập kế hoạch y tế. LLO3. Xây dựng được một bản kế hoạch hành động cho kế hoạch y tế cụ thể.	3	6	12	CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 7. Theo dõi và giám sát trong y tế công cộng	3	6	12	CLO4	- Thuyết trình - Thảo luận

LLO1. Trình bày được định nghĩa, mục tiêu và phân loại giám sát LLO2. Trình bày được các nguyên tắc, công cụ trong giám sát LLO3. Mô tả được quy trình giám sát và các tiêu chuẩn, chức năng của giám sát viên					- Phân tích tình huống
Bài 8. Đánh giá hoạt động y tế LLO1. Giải thích được khái niệm về đánh giá và vai trò của đánh giá trong hoạt động y tế. LLO2. Phân tích được các chỉ số cần cho đánh giá và trình bày các phương pháp thu thập thông tin cho đánh giá LLO3. Lập bản kế hoạch đánh giá và phân tích được giá trị của đánh giá có sử dụng nhóm đối chứng	3	8	14	CLO4 CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 9. Khái niệm cơ bản về chính sách y tế LLO1. Mô tả các khái niệm về chính sách y tế. LLO2. Nêu được các yếu tố chính tác động đến chính sách YTCC LLO3. Liên hệ với một số chính sách y tế địa phương	3	6	2	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Bài 10. Chính sách y tế công cộng LLO1. Phân tích được khái niệm và các yếu tố cơ bản quyết định tới chính sách y tế. LLO2. Đề xuất chiến lược thực hiện các mục tiêu của chính sách.	3	6	12	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Bài 11. Phân tích, đánh giá chính sách y tế LLO1. Trình bày sự cần thiết phải điều chỉnh chính sách y tế LLO2. Phân tích được các chính sách y tế hiện nay LLO3. Áp dụng đề xuất điều chỉnh chính sách y tế	2	8	12	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Tổng	30	60	90		

LLO1. Trình bày được định nghĩa, mục tiêu và phân loại giám sát LLO2. Trình bày được các nguyên tắc, công cụ trong giám sát LLO3. Mô tả được quy trình giám sát và các tiêu chuẩn, chức năng của giám sát viên					- Phân tích tình huống
Bài 8. Đánh giá hoạt động y tế LLO1. Giải thích được khái niệm về đánh giá và vai trò của đánh giá trong hoạt động y tế. LLO2. Phân tích được các chỉ số cần cho đánh giá và trình bày các phương pháp thu thập thông tin cho đánh giá LLO3. Lập bản kế hoạch đánh giá và phân tích được giá trị của đánh giá có sử dụng nhóm đối chứng	3	8	14	CLO4 CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 9. Khái niệm cơ bản về chính sách y tế LLO1. Mô tả các khái niệm về chính sách y tế. LLO2. Nêu được các yếu tố chính tác động đến chính sách YTCC LLO3. Liên hệ với một số chính sách y tế địa phương	3	6	2	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Bài 10. Chính sách y tế công cộng LLO1. Phân tích được khái niệm và các yếu tố cơ bản quyết định tới chính sách y tế. LLO2. Đề xuất chiến lược thực hiện các mục tiêu của chính sách.	3	6	12	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Bài 11. Phân tích, đánh giá chính sách y tế LLO1. Trình bày sự cần thiết phải điều chỉnh chính sách y tế LLO2. Phân tích được các chính sách y tế hiện nay LLO3. Áp dụng đề xuất điều chỉnh chính sách y tế	2	8	12	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận
Tổng	30	60	90		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Bộ môn Y học xã hội (2021). Quản lý y tế và Chính sách y tế. Tài liệu dành cho Thạc sĩ Y học dự phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách y tế. Sách đào tạo cử nhân Y tế công cộng. NXB Y học.

<https://thuvienhoc.edu.vn/2019/10/16/to-chuc-quan-ly-va-chinh-sach-y-te-dung-dao-tao-cu-nhan-y-te-cong-cong-bo-y-te/>

Bộ Y tế (2011), Tổ chức và quản lý y tế. Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, NXB Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn
2	BS. CKII. Trần Thị Bích Hồi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu.
- Giảng đường.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Thị Thúy Hà

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Giang

DỊCH TỄ HỌC LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dịch tễ học lâm sàng	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Kiến thức chung, đại cương ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Kiến thức cơ sở ngành. ☐ Kiến thức bổ trợ ☐ Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Dịch tễ học	
Email liên hệ: cktan@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	15	8	7	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Dịch tễ học lâm sàng (Clinical epidemiology) là việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp dịch tễ học vào môi trường lâm sàng. Nói tóm tắt, dịch tễ học lâm sàng thường tập trung vào việc ra quyết định ứng dụng, nhằm mục đích cải thiện kết quả ở cấp độ bệnh nhân. Dịch tễ học cổ điển (Field epidemiology) thường tập trung vào sự phân bố và các yếu tố quyết định bệnh tật (mức độ dân số), trong khi dịch tễ học lâm sàng là ứng dụng các nguyên tắc và phương pháp của dịch tễ học để tiến hành, đánh giá hoặc áp dụng nghiên cứu lâm sàng nhằm mục đích cải thiện việc phòng ngừa, chẩn đoán, tiên lượng, và điều trị bệnh ở bệnh nhân.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course learning outcome-CLO)

CLO	Mô tả CDR của module/học phần	PLO
CLO 1	Giải thích được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của dịch tễ học lâm sàng	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 2	Vận dụng nguyên lý DTH LS phân biệt được sự bình thường và bất thường (chỉ số sức khỏe, xét nghiệm CLS, kết quả điều trị)	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 3	Xác định được tính giá trị của một nghiệm pháp chẩn đoán	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 4	Vận dụng nguyên lý dịch tễ học để xác định tần số, nguy cơ và tiên lượng sức khỏe	PLO4. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.
CLO 5	Vận dụng bằng chứng để đánh giá hiệu quả điều trị	PLO4. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO 6	Mô tả được ý nghĩa bốn mức độ phòng bệnh	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 7	Phân tích được các sai số ngẫu nhiên trong lâm sàng	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 8	Trình bày được các loại nghiên cứu DTH lâm sàng	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO 9	Phân tích được các yếu tố liên quan trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng

CLO	Mô tả CDR của module/học phần	PLO
		trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá học phần gồm:

a. Lượng giá thực hành

- Hình thức: Bài luận giải quyết tình huống
- Thời gian: Sau khi kết thúc học phần thực hành 1 tuần
- Chiến lược lượng giá thực hành:

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO 2: Vận dụng nguyên lý DTH LS phân biệt được sự bình thường và bất thường (chỉ số sức khỏe, xét nghiệm CLS, kết quả điều trị)	-	-	x	-
CLO 3: Xác định được tính giá trị của một nghiệm pháp chẩn đoán	-	-	x	-
CLO 4: Vận dụng nguyên lý dịch tễ học để xác định tần số, nguy cơ và tiên lượng sức khỏe	-	-	x	-
CLO 5: Vận dụng bằng chứng để đánh giá hiệu quả điều trị	-	-	x	-
CLO 7: Phân tích được các sai số ngẫu nhiên trong lâm sàng	-	-	x	-
CLO 8: Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu DTH lâm sàng phù hợp để đạt được mục tiêu	-	-	x	-
CLO 9: Phân tích được các yếu tố liên quan trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh	-	-	x	-
Tổng	-	-	100%	-

b. Lượng giá lý thuyết cuối kỳ

- Hình thức: Câu hỏi MCQ
- Thời gian: Sau khi kết thúc toàn bộ học phần 2-3 tuần, sinh viên đạt phần thi thực hành
- Chiến lược lượng giá lý thuyết cuối kỳ:

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1: Giải thích được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của dịch tễ học lâm sàng	0	5% (2 câu)	0	5% (2 câu)
CLO2: Vận dụng nguyên lý DTH LS phân biệt được sự bình thường và bất thường (chỉ số sức khỏe, xét nghiệm CLS, kết quả điều trị)	0	0	10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO3: Xác định được tính giá trị của một nghiệm pháp chẩn đoán	0	0	10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO4: Vận dụng nguyên lý dịch tễ học để xác định tần số, nguy cơ và tiên lượng sức khỏe	0	0	25% (10 câu)	25% (10 câu)
CLO5: Vận dụng bằng chứng để đánh giá hiệu quả điều trị	0		15% (6 câu)	15% (6 câu)
CLO6: Trình bày được ý nghĩa bốn mức độ phòng bệnh	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
CLO7: Phân tích được các sai số ngẫu nhiên trong lâm sàng	0	10% (4 câu)	0	10% (4 câu)
CLO8: Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu DTH lâm sàng phù hợp để đạt được mục tiêu	0	0	10% (4 câu)	10% (4 câu)
CLO9: Phân tích được các yếu tố liên quan trong việc xác định nguyên nhân gây bệnh	0	5% (2 câu)	0	5% (2 câu)
Tổng	0	50% (20 câu)	50% (20 câu)	100% (40 câu)

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0,4 + \text{LTCK} \times 0,6$$

TH: lượng giá thực hành

LGCK: lượng giá cuối kỳ

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
1	Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của dịch tễ học lâm sàng	4	0	8	CLO 1	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống

TT	Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH	Tự học		
2	Sự bình thường và bất thường	2	4	6	CLO 2	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
3	Các nghiệm pháp chẩn đoán trong Dịch tễ học lâm sàng	4	4	10	CLO 3	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
4	Tần số, nguy cơ và tiên lượng sức khỏe	4	6	11	CLO 4	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
5	Đánh giá hiệu quả điều trị	4	4	10	CLO 5	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
6	Phòng bệnh	2	0	4	CLO 6	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
7	Sai số trong nghiên cứu DTH LS	2	4	6	CLO 7	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
8	Các loại thiết kế nghiên cứu DTH LS	4	4	10	CLO 8	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
9	Xác định nguyên nhân	4	4	10	CLO 9	Thuyết trình; Thảo luận dựa trên tình huống
	Tổng	30	30	75		

5. TÀI LIỆU DẠY - HỌC

Tài liệu học tập

- Giáo trình do bộ môn biên soạn: *Dịch tễ học lâm sàng*, BM Dịch tễ học, Khoa Y tế công cộng, trường đại học Y Dược Hải Phòng (2022)

Tài liệu tham khảo

- Dương Đình Thiện. *Dịch tễ học lâm sàng*, NXB Y học, 2012.
- Thomas B. Newman and Michael A. Kohn. *Evidence-based diagnosis: an introduction to clinical epidemiology. Second edition*. Cambridge University Press, 2019.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Chu Khắc Tân	BM. Dịch tễ học	cktan@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. Phạm Văn Hán	BM. Dịch tễ học	pvhان@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	BM. Dịch tễ học	ntthtao@hpmu.edu.vn

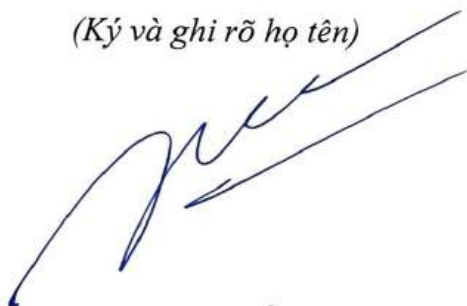
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn
- Giảng đường

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

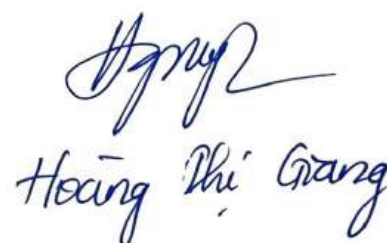
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Chu Khắc Tân

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

MỘT SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Một sức khỏe / One health	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành. Ngành
Chuyên ngành ☒ Tự chọn	
Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế Công Cộng Email liên hệ: nttham@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0987137697	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		75
Số buổi	15	8	7		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Sức khỏe môi trường
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề Một sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các phương thức tiếp cận đa ngành, liên ngành hoặc xuyên ngành. Học phần này trang bị cho học viên các năng lực cốt lõi về một sức khỏe, từ đó có khả năng xác định được các vấn đề một sức khỏe trong cộng đồng và đề xuất giải pháp giải quyết với sự tham gia của nhiều bên liên quan (y tế, thú y, môi trường và các ngành liên quan khác). Học phần gồm 2 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Phân tích được mối nguy và nguy cơ các bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Áp dụng năng lực cốt lõi của Một sức khỏe trong xác định và giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO3	Sẵn sàng phối hợp đa ngành, liên ngành hoặc xuyên ngành trong xác định và giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng	PLO11: Tuân thủ luật pháp và các quy định chuyên môn; tôn trọng, cảm thông, lắng nghe và hợp tác với đồng nghiệp, các bên liên quan và cộng đồng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 10% số buổi học
- Tham gia đầy đủ các buổi học thực hành
- Hoàn thành các bài tập cá nhân/nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LT} \times 0,6 + \text{TH} \times 0,4$$

- Hình thức:
- + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc trong 45 phút

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (30%)		30				30
CLO2 (70%)		30	40			70
Tổng		60	40			100

- + Thực hành: Bài thu hoạch cá nhân/nhóm

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (100%)		x		
Tổng				

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		

Tổng quan và các khái niệm cơ bản của một sức khỏe	2		6	PLO1 PLO2 PLO3	Thuyết trình; Thảo luận
Tư duy hệ thống và một sức khỏe	4		8		Thuyết trình; Thảo luận
Chính sách liên quan đến một sức khỏe	4		8		Thuyết trình; Thảo luận
Yếu tố văn hóa và một sức khỏe	2		5		Thuyết trình; Thảo luận
Hợp tác trong một sức khỏe	4		6		Thuyết trình; Thảo luận
Làm việc nhóm vì một sức khỏe	2		5		Thuyết trình; Thảo luận
Kinh tế một sức khỏe	4		6		Thuyết trình; Thảo luận
Phân tích nguy cơ và quản lý nguy cơ bệnh truyền nhiễm	4		8		Thuyết trình; Thảo luận
Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong một sức khỏe	4		8		Thuyết trình; Thảo luận
Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề sức khỏe cụ thể		30	15		Tham quan và Tình huống cộng đồng
Tổng	30	30	75		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Trường đại học Y Hà Nội (2015). Một sức khỏe trong y học dự phòng và y tế công cộng. Nhà xuất bản y học

5.2. Tài liệu tham khảo

- Mạng lưới Một sức khỏe các trường Đại học Việt Nam (2016) , Năng lực cốt lõi Một sức khỏe, NXB Y học, Truy cập tại: https://vohun.org/wp-content/uploads/2019/03/Sach-A5-VOHUN_final-1.pdf
- Horst W.J. Rittel and Melvin M. Webber (1973), “Dilemmas in a General Theory of Planning”, Policy Sciences 4, (1973), (pp. 155-169). Retrieved from <http://link.springer.com/article/10.1007/BF01405730> .

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS.TS Dương Thị Hương	ĐH Y Dược Hải Phòng	dthuong@hpmu.edu.vn
2.	TS. Phạm Đức Phúc	Mạng lưới một sức khỏe các trường ĐH Việt Nam	pdp@vohun.org
3.	TS. Nguyễn Thị Thắm	ĐH Y Dược Hải Phòng	nttham@hpmu.edu.vn
4.	TS. Trần Thị Thúy Hà	ĐH Y Dược Hải Phòng	tttha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn bảng, giấy A0, bút dạ

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS Dương Thị Hương

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

Y HỌC GIA ĐÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Y học gia đình	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành. ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Đơn vị phụ trách: Bộ môn Y học gia đình	
Email liên hệ: bmyhgd@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913 352 918	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	0
Số tiết	105	15	0	90	30
Số buổi	22	4	0	18	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Chương trình đào tạo cho các học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Y học gia đình tại Việt Nam. Học viên học xong môn học sẽ nâng cao một số kỹ năng lâm sàng chuyên biệt, có khả năng phân tích, vận dụng được nguyên lý Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe tại tuyến cơ sở. Học viên áp dụng được các nguyên lý y học gia đình và đặc điểm của vòng đời người, vòng đời gia đình trong việc dự phòng và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

- Các khái niệm then chốt:
 - Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - Chăm sóc ban đầu
 - Y tế cơ sở
 - Y tế dự phòng

- Y học gia đình
- Bác sĩ gia đình
- Yếu tố nguy cơ

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của chương trình đào tạo
CLO1	Áp dụng được các nguyên lý Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành Y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Vận dụng được các đặc điểm của vòng đời người và vòng đời gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành Y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO3	Phát hiện sớm một số bệnh mạn tính không lây trong cộng đồng.	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO4	Quản lý được các yếu tố nguy cơ liên quan đến hành vi gây bệnh mạn tính không lây.	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO5	Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	PLO7: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

❖ Lý thuyết:

- Chuyên cần (Thời gian lên lớp, làm pretest= 0,1 tổng điểm lý thuyết)
- Quá trình (Bài tập, kiểm tra trên lớp, tham gia xây dựng bài= 0,2 tổng điểm lý thuyết)
- Cuối khoá (MCQs= 0,7 tổng điểm lý thuyết)

Điểm lý thuyết: Chuyên cần*0,1 + Quá trình *0,2 + Cuối khoá* 0,7

❖ Lâm sàng:

- Chuyên cần: Đi lâm sàng và trực

- Quá trình: Chuẩn bị và báo cáo ca lâm sàng
- Cuối khoá: Bệnh nhân thật

Điểm lâm sàng: Chuyên cần*0,1 + Quá trình *0,2 + Cuối khoá* 0,7

TT	LLO	Thang Bloom				Tổng số
		Nhớ	Hiểu	UD	PT	
1.	Phân tích được vị trí, vai trò của bác sĩ gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình trong hệ thống y tế				3	3
2.	Phân tích được các nguyên lý của Y học gia đình					
3.	Áp dụng được các nguyên lý Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu			5		5
4.	Liệt kê được các đối tượng cần sàng lọc	6				6
5.	Chỉ định được các phương pháp sàng lọc phù hợp đối với từng bệnh			2		2
6.	Thực hiện được một số phương pháp sàng lọc bệnh mạn tính không lây			4		4
7.	Nhận định và xử lý được kết quả sàng lọc			4		4
8.	Nêu được đặc điểm của vòng đời người và vòng đời gia đình trong mối liên quan sức khỏe	12				12
9.	Áp dụng được đặc điểm của vòng đời người và vòng đời gia đình để dự phòng và nâng cao sức khỏe cho người dân			12		12
10.	Liệt kê được hành vi nguy cơ gây bệnh mạn tính không lây.	6				6
11.	Phân tích được tác hại của các hành vi nguy cơ.				4	4
12.	Đánh giá được mức độ nguy cơ trên đối tượng cụ thể.				6	6
13.	Tư vấn, hướng dẫn được các biện pháp kiểm soát yếu tố nguy cơ			4		4
14.	Phân tích được vai trò của giao tiếp trong y học				4	4
15.	Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp.			4		4
	Tổng số	24	0	35	17	76

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Tổng quan Y học gia đình - Phân tích được vị trí vai trò của bác sĩ gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình trong hệ thống y tế - Phân tích được các nguyên lý của Y học gia đình - Áp dụng được các nguyên lý Y học gia đình trong chăm sóc sức khỏe ban đầu	4	8	8	CLO1	Thuyết trình; thảo luận nhóm; ca lâm sàng
Bài 2: Sàng lọc một số bệnh mạn tính không lây - Liệt kê được các đối tượng cần sàng lọc - Chỉ định được các phương pháp sàng lọc phù hợp đối với từng bệnh - Thực hiện được một số phương pháp sàng lọc bệnh mạn tính không lây - Nhận định và xử lý được kết quả sàng lọc.	3	24	6	CLO3	Thuyết trình; thảo luận nhóm; ca lâm sàng; dạy học bên giường bệnh.
Bài 3: Vòng đời người, vòng đời gia đình và mối liên quan sức khỏe - Nêu được đặc điểm của vòng đời người và vòng đời gia đình trong mối liên quan sức khỏe - Áp dụng được đặc điểm của vòng đời người và vòng đời gia đình để dự phòng và nâng cao sức khỏe cho người dân	4	20	8	CLO2	
Bài 4: Quản lý được các yếu tố nguy cơ liên quan đến hành vi gây bệnh mạn tính không lây. - Liệt kê được hành vi nguy cơ gây bệnh mạn tính không lây.	4	24	8	CLO4	Thuyết trình; thảo luận nhóm;

– Phân tích được tác hại của các hành vi nguy cơ. – Đánh giá được mức độ nguy cơ trên đối tượng cụ thể. – Tư vấn, hướng dẫn được các biện pháp kiểm soát yếu tố nguy cơ					
Bài 5: Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp - Phân tích được vai trò của giao tiếp trong y học - Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp.	0	14	0	CLO5	Thuyết trình; thảo luận nhóm; đóng vai
Tổng	15	90	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay do bộ môn biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2017), Thực hành y học gia đình trong chăm sóc ban đầu, Nhà xuất bản Y học.
2. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm đào tạo Bác sĩ gia đình (2020). Y học gia đình (tập 1, 2, 3), Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2019), Tài liệu đào tạo liên tục: Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho bác sĩ làm việc tại trạm y tế xã.
4. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2020), Chăm sóc sức khỏe ban đầu, Mô hình hoạt động và một số loại dịch vụ mới, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
5. Bộ môn Y học gia đình, Trường Đại học Y Hà Nội (2015): "Giáo trình y học gia đình đại cương", Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách cán bộ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS. TS Phạm Văn Mạnh	BM YHGD	pvmạnh@hpmu.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	BM YHGD	ntthieu@hpmu.edu.vn

6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	ThS. Nguyễn Văn Thành	BM YHGD	nvanthanh@hpmu.edu.vn
2.	ThS. Phùng Văn Duyên	BM YHGD	pvduyen@hpmu.edu.vn
3.	ThS. Nguyễn Thùy Linh	BM YHGD	ntlinh@hpmu.edu.vn
4.	ThS. Bùi Hồng Nhung	BM YHGD	bhnhung@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường
- Hệ thống máy chiếu, loa, mic không dây
- Bảng viết
- Bệnh án, mô hình
- Phòng khám, khoa phòng điều trị bệnh nhân

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Thuý Hiếu

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Trang

– Phân tích được tác hại của các hành vi nguy cơ. – Đánh giá được mức độ nguy cơ trên đối tượng cụ thể. – Tư vấn, hướng dẫn được các biện pháp kiểm soát yếu tố nguy cơ					
Bài 5: Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp - Phân tích được vai trò của giao tiếp trong y học - Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp.	0	14	0	CLO5	Thuyết trình; thảo luận nhóm; đóng vai
Tổng	15	90	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Tài liệu phát tay do bộ môn biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2017), Thực hành y học gia đình trong chăm sóc ban đầu, Nhà xuất bản Y học.
2. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm đào tạo Bác sĩ gia đình (2020). Y học gia đình (tập 1, 2, 3), Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ Y tế (2019), Tài liệu đào tạo liên tục: Chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình dành cho bác sĩ làm việc tại trạm y tế xã.
4. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2020), Chăm sóc sức khỏe ban đầu, Mô hình hoạt động và một số loại dịch vụ mới, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
5. Bộ môn Y học gia đình, Trường Đại học Y Hà Nội (2015): "Giáo trình y học gia đình đại cương", Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách cán bộ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS. TS Phạm Văn Mạnh	BM YHGD	pvmạnh@hpmu.edu.vn
2.	TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	BM YHGD	ntthieu@hpmu.edu.vn

Ở chương trình học Bác sĩ Y học dự phòng, học viên đã được tiếp cận với các khái niệm cơ bản về chất gây nghiện và nghiện chất; tác động của chất gây nghiện đến người sử dụng và xã hội; phương pháp chẩn đoán nghiện chất; nguyên tắc điều trị nghiện chất và các chính sách can thiệp y tế - xã hội về nghiện chất. Tiếp nối chương trình học trong chương trình thạc sĩ Y học dự phòng, học viên sẽ được cung cấp thêm các kiến thức chuyên sâu về nghiện chất liên quan đến các đối tượng khác nhau như thanh thiếu niên, phụ nữ mang thai, các vấn đề đồng mắc và nghiện đa chất...nhằm góp phần cho công việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được các khái niệm then chốt trong nghiện chất và mối liên quan với hoạt động điều trị và dự phòng.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Phân tích được các đặc điểm đặc thù và quản lý về nghiện chất trên các đối tượng khác nhau như thanh thiếu niên, phụ nữ mang thai, tác động nghiện chất và đồng mắc, nghiện đa chất.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO3	Sử dụng được các công cụ sàng lọc, chẩn đoán nghiện chất và đồng mắc tâm thần tại cơ sở điều trị và cộng đồng.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO4	Thực hiện phỏng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện chất tại cơ sở điều trị.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO5	Đánh giá hoạt động huy động sự tham gia của nhóm đồng đẳng trong quản lý nghiện chất tại cơ sở điều trị và cộng đồng.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO5: Giám sát, đánh giá các hoạt động của chương trình y tế triển khai tại cộng đồng.

CLO6	Có thái độ nghiêm túc trong học tập và xây dựng tinh thần tự học tập suốt đời.	PLO11: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực YHDP
------	--	--

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần: gồm lượng giá quá trình (chuyên cần), lượng giá lý thuyết và lượng giá thực hành

- Học viên được tham dự thi lý thuyết cuối kì nếu 1) lượng giá chuyên cần đạt (nghỉ không quá 10% số tiết học lý thuyết và tham gia đủ số tiết thực hành); 2) điểm lượng giá thực hành đạt tối thiểu 5/10 điểm

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

b) Lượng giá lý thuyết

- Hình thức: thi trắc nghiệm
- Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.
- Cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Chuẩn đầu ra	Nhớ (số câu/%)	Hiểu (số câu/%)	Áp dụng (số câu/%)	Tổng
CLO1 (20%)	2 câu/10%	4 câu/20%	4 câu/20%	10 câu/20%
CLO2 (80%)	8 câu/10%	16 câu/20%	16 câu/20%	40 câu/80%
Tổng	10 câu/20%	20 câu/40%	20 câu/40%	50 câu/100%

c) Lượng giá lý thực hành

- Hình thức: báo cáo thu hoạch/đánh giá các chủ đề/nội dung của từng bài thực hành
- Thời gian: sau khi học viên học xong từng bài thực hành
- Điểm lượng giá thực hành được tính bằng trung bình cộng các bài thực hành trong chương trình học
- Ma trận lượng giá thực hành:

CLO	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (40%)			x	
CLO4 (20%)			x	

CLO5 (40%)			x	
------------	--	--	---	--

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LT} \times 0.5$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH	Tự học		
A	Lý thuyết					
1	Ma túy và nghiện chất: 6 khái niệm then chốt để hiểu và hành động tốt hơn	3		6	CLO1, CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
2	Nghiện chất trong thanh thiếu niên	3		6	CLO2, CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
3	Nghiện chất và thai nghén: nguy cơ và hậu quả cho trẻ sinh ra từ bà mẹ sử dụng chất gây nghiện	3		6	CLO2, CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
4	Nghiện chất và các bệnh lí đồng mắc	3		6	CLO2, CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
5	Nghiện đa chất: sàng lọc, chẩn đoán, theo dõi và quản lý	3		6	CLO2, CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
B	Thực hành					
1	Sử dụng công cụ sàng lọc – chẩn đoán nghiện chất tại cộng đồng		10	5	CLO3, CLO6	Hướng dẫn kĩ năng, thực hành
2	Sử dụng công cụ sàng lọc – chẩn đoán đồng mắc tâm thần trên người nghiện chất		10	5	CLO3, CLO6	Hướng dẫn kĩ năng, thực hành

3	Mô hình điều trị duy trì thay thế chất dạng thuốc phiện bằng methadone	10	5	CLO3, CLO5, CLO6	Quan sát/ Kiến tập
4	Mô hình điều trị cai nghiện tập trung	10	5	CLO3, CLO5, CLO6	Quan sát/ Kiến tập
5	Thực hành phòng vấn tạo động lực trong tham vấn điều trị nghiện	10	5	CLO4, CLO6	Hướng dẫn kỹ năng, thực hành
6	Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý nghiện chất	10	5	CLO5, CLO6	Quan sát/ Kiến tập
	Tổng	15	60	60	

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- 1) Tài liệu học tập Nghiện chất do Khoa Y tế công cộng biên soạn.

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Bộ Y tế (2011), *Hướng dẫn điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội
- 2) Tổ chức y tế thế giới. Hướng dẫn lâm sàng về xử trí hội chứng cai và điều trị lệ thuộc ma túy trong cơ sở khép kín.
- 3) Bộ y tế (2015), *Tài liệu đào tạo điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng methadone*.
- 4) Ủy ban quốc gia phòng chống HIV/AIDS và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm (2011), *Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*.
- 5) Nghị định 96/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của chính phủ Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
- 6) Phạm Văn Thức (2010), *Bài giảng HIV/AIDS, ma túy và rượu*. Trường Đại học Y Hải Phòng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS Nguyễn Thị Thắm	BM DD & ATTP	nttham@hpmu.edu.vn
2	TS Nguyễn Thị Thùy Linh	BM DD & ATTP	nttlinh@hpmu.edu.vn
3	TS Hoàng Thị Giang	BM SKNN	htgiang@hpmu.edu.vn

6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS Phạm Thị Ngọc	BM SKNN	Trợ giảng
2	ThS Cáp Minh Đức	BM DD & ATTP	Trợ giảng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,
- Cơ sở thực hành: Trung tâm cai nghiện tập trung tại Hải Phòng, Cơ sở điều trị duy trì thay thế chất dạng thuốc phiện bằng Methadone

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Hoàng Thị Giang

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Y HỌC BIỂN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Y học biển	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: Bắt buộc ☒ Môn tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành. Ngành ☒ Chuyên ngành Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y học biển Email liên hệ: nvtam@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0936 068 055	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	b	1	
Số tiết	75	30		45	75
Số buổi		8	0	11	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Y học biển là môn học tổng hợp, sử dụng những kiến thức, những kinh nghiệm của tất cả các chuyên khoa y học khác nhau để nghiên cứu về điều kiện môi trường sinh sống và lao động trên biển và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe, sự phát sinh những bệnh lý đặc thù có tính chất nghề nghiệp biển cũng như nghiên cứu các giải pháp nhằm đảm bảo sức khỏe và an toàn sinh mạng cho các đối tượng lao động và nhân dân trên biển, đảo. Môn học Y học biển bao gồm ba lĩnh vực: Y học cơ sở; Y học dự phòng và Y học lâm sàng, trong đó:

- Y học cơ sở: Nghiên cứu biến đổi chức năng của cơ thể con người trong môi trường biển.
- Y học dự phòng biển bao gồm: Y học lao động và dịch tễ học, y xã hội học (dầu khí, thủy sản...)

- Y học lâm sàng biển: gồm hoạt động cấp cứu trên biển, Telemedicine; bệnh nghề nghiệp và bệnh mang tính chất nghề nghiệp của người đi biển; y học dưới nước và cao áp lâm sàng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng của môi trường sống và lao động trên các tàu biển đến sức khỏe và sự phát sinh bệnh tật có tính chất đặc thù nghề nghiệp biển của các lao động trên biển.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Phân tích được đặc điểm dịch tễ học các bệnh lây truyền qua đường biển, vector truyền bệnh và các yếu tố nguy cơ, nguyên tắc giải quyết các vụ dịch lây truyền qua đường biển.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.
CLO3	Phân tích được nguyên nhân, các yếu tố nguy cơ, cơ chế bệnh sinh một số bệnh và thương tích mang tính chất nghề nghiệp của lao động biển.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO4	Trình bày được nguyên tắc và phương pháp cấp cứu ban đầu trên biển; ứng dụng của Tele-Medicine trong tư vấn cấp cứu, chẩn đoán, điều trị và các vấn đề sức khỏe khác cho các lao động biển.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO5	Phân tích được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương pháp cấp cứu, điều trị các tai biến và bệnh lý khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO6	Có khả năng tổ chức và quản lý sức khỏe nghề nghiệp biển theo qui định quốc gia và công ước quốc tế.	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO7	Chẩn đoán và điều trị được các bệnh và thương tích có tính chất nghề nghiệp của lao động biển	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

CLO8	Có khả năng xử trí, cấp cứu ban đầu trên biển; biết cách sử dụng công nghệ Tele-Medicine trong việc tư vấn cấp cứu biển và các vấn đề y tế trên biển khác cho các lao động và nhân dân trên biển đảo.	PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO9	Huấn luyện được cấp cứu biển cho thuyền viên, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, ngư dân và các lao động biển khác.	PLO7: Thực hiện thành thạo kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO10	Chẩn đoán, điều trị được tai biến do lặn biển bằng trị liệu oxy cao áp	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO11	Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho lao động và nhân dân khu vực biển, đảo; Tận tụy phục vụ người bệnh; Tôn trọng ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực YHDP

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức: MCQ/điểm danh/bài tập cá nhân/bài tập nhóm

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \times 1 + \text{TH} \times 1) / 2$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: MCQ/Tự luận có cấu trúc

Chuẩn đầu ra	Hiểu (40%)	Áp dụng (30%)	Phân tích (20%)	Tổng
CLO1 (20%)	10	5	5	20
CLO 2 (20%)	10	6	4	20
CLO 3 (20%)	10	5	5	20
CLO 4 (20%)	10	7	5	20
CLO 5 (20%)	10	7	1	20
Tổng	50	30	20	100

+ Lâm sàng: bảng kiểm

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO6 (20%)			x	-
CLO7 (20%)			x	-
CLO8 (20%)			x	...
CLO9 (10%)				x
CLO10 (20%)			x	
Tổng			4	1

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học		
1. Đặc điểm môi trường lao động trên tàu biển và ảnh hưởng của nó đến tình trạng sức khỏe của người lao động biển	3	0	6	CLO1	Thuyết trình
2. Quản lý sức khỏe cho các lao động biển và công ước quốc tế	3	6	6	CLO6	Thuyết trình Đi lâm sàng
3. Các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và phương pháp kiểm soát dịch bệnh trên tàu biển	4	4	6	CLO3	Thuyết trình Ca lâm sàng
4. Các bệnh lây truyền có qui định kiểm dịch quốc tế (<i>Bệnh tả, bệnh sốt vàng và bệnh dịch hạch</i>)	3	6	8	CLO3	Thuyết trình Ca lâm sàng
5. Các bệnh và thương tích có tính chất nghề nghiệp của người lao động biển.	4	8	12	CLO3 CLO7	Thuyết trình Ca lâm sàng
6. Chứng bệnh say sóng của người đi biển	3	4	8	CLO3	Thuyết trình Ca lâm sàng
7. Hội chứng đuối nước (Đuối nước sớm, đuối nước ngọt, đuối nước mặn, điều trị, dự phòng đuối nước)	3	4	9	CLO4 CLO8	Thuyết trình Ca lâm sàng
8. Nguyên tắc cơ bản xử trí cấp cứu ban đầu trên biển và Ứng dụng công nghệ Telemedicine trong Y học biển đảo	3	4	8	CLO4 CLO9	Thuyết trình Ca lâm sàng

9. Đặc điểm môi trường lao động dưới nước và các tai biến khi lao động trong môi trường nước và áp suất cao	4	8	12	CLO10	Thuyết trình Ca lâm sàng
Tổng	30	45	75		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 1, Nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Trường Sơn (2010), Bài giảng Y học biển tập 2, Nhà xuất bản Y học
- Nguyễn Trường Sơn, Trần Thị Quỳnh Chi (2010), Chứng bệnh say sóng của người đi biển, Nhà xuất bản Y học.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Hiếu (1998), Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế, NXBYH, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS Nguyễn Trường Sơn	Viện Y học biển	truongsonghb@gmail.com
2	PGS.TS Trần Thị Quỳnh Chi	Viện Y học biển	tranquynhchi@vinimam.org.vn
3	TS.BS Nguyễn Văn Tâm	ĐHYDHP	nvtam@hpmu.edu.cn
4	TS.BSNT Nguyễn Bảo Nam	Viện Y học biển	drnguyenbaonam@gmail.com

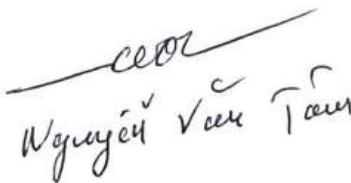
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Phòng thực hành/thí nghiệm: Khoa khám bệnh và quản lý sức khỏe lao động biển; Trung tâm Y học dưới nước và cao áp lâm sàng Viện Y học biển

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

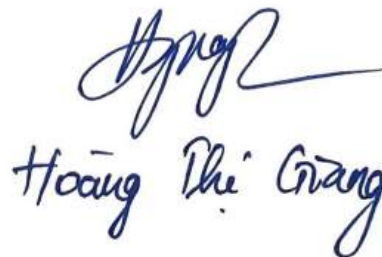
Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Tâm

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Cường

DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH MỚI NỔI TÁI NỔI

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dịch tễ học các bệnh mới nổi và tái nổi	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học Dự Phòng	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành. ☒ Tự chọn ☐ Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: pmkhue@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi		8	8		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Với xu thế ngày càng phát triển của xã hội, nhiều bệnh nhiễm trùng và không nhiễm trùng bắt đầu xuất hiện và phát triển. Kèm theo đó, một số bệnh đã thoái lui trước đây bắt đầu xuất hiện và bùng phát trở lại. Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng hiểu được các đặc điểm dịch tễ học và quá trình dịch của các bệnh nhiễm trùng và không nhiễm trùng mới nổi và tái nổi; giải thích được nguy cơ xuất hiện bệnh trên cộng đồng và đưa ra được chiến lược dự phòng các cấp cho các bệnh này.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Trình bày được các khái niệm, nguyên nhân và đặc điểm quá trình dịch của bệnh mới nổi và tái nổi	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Giải thích được đặc điểm dịch tễ học và quá trình dịch của một số bệnh mới nổi và tái nổi cụ thể	
CLO3	Vận dụng nguyên lý dịch tễ học, nguyên tắc và dự phòng các cấp, các cách tiếp cận dự phòng, đề đề xuất được chiến lược dự phòng các bệnh mới nổi và tái nổi cụ thể	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
CLO4	Thiết kế được chiến lược dự phòng các cấp phù hợp cho dự phòng bệnh mới nổi và tái nổi trong tình huống cụ thể	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.
CLO5	Xây dựng được chiến lược giám sát và quản lý các bệnh mới nổi và tái nổi	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành

a. Hình thức:

- Viết bài thu hoạch cá nhân
- Thời gian: Sau khi kết thúc học phần 1 tuần

b. Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập	Dạy được người khác
CLO4 (50%)	0	0	x	0
CLO5 (50%)	0	0	x	0
Tổng	0	0	100%	0

3.2. Lượng giá lý thuyết:

a. Hình thức: MCQ

b. Thời gian thi: 60 phút

c. Số lượng câu: 60 câu

d. Ma trận lượng giá:

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	33% (20 câu)	0	0	20 câu
CLO2	0	33% (20 câu)	0	20 câu
CLO3	0	0	34% (20 câu)	20 câu
Tổng	33%	33%	34%	60 câu

3.3. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LT} \times 0.5 + \text{TH} \times 0.5$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Đại cương về dịch tễ học các bệnh mới nổi và tái nổi. LLO1: Trình bày được khái niệm về dịch tễ học bệnh mới nổi và tái nổi LLO1: Trình bày được nguyên nhân và đặc điểm quá trình dịch của bệnh mới nổi và tái nổi	4	0	8	CLO1	Thuyết trình
Bài 2: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Lao LLO1: Giải thích được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Lao LLO2: Giải thích được nguyên tắc của chiến lược phòng chống Lao quốc gia LLO3: Đề xuất được chiến lược giám sát và kiểm soát Lao tại địa phương cụ thể.	4	4	10	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
Bài 3: Dịch tễ học và dự phòng HIV/AIDS LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của HIV/AIDS qua các thời kỳ. LLO2: Giải thích được nguyên tắc của chiến lược phòng chống HIV/AIDS	4	4	10		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo

LLO3: Xây dựng được chiến lược giám sát và kiểm soát HIV/AIDS tại địa phương					
Bài 4: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và dự phòng bệnh Sốt Dengue/Sốt xuất huyết Dengue tại địa phương	2	4	6		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
Bài 5: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Viêm gan Virus LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh viêm gan virus. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và quản lý bệnh viêm gan virus	4	4	10		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
Bài 6: Dịch tễ học và dự phòng bệnh Đại LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh Đại. LLO2: Xây dựng được chiến lược giám sát và dự phòng bệnh Đại	2	4	6		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
Bài 7: Dịch tễ học và dự phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV2 LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV2. LLO2: Đề xuất được chiến lược dự phòng bệnh viêm đường hô hấp cấp do SARS-CoV2 tại địa phương	5	5	13		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo
Bài 8: Dịch tễ học và dự phòng một số bệnh mạn tính không lây phổ biến LLO1: Trình bày được đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh mạn tính không lây phổ biến. LLO2: Đề xuất được chiến lược giám sát, quản lý và dự phòng một số bệnh	5	5	12		Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Trình bày báo cáo

mạn tính không lây phổ biến tại địa phương					
--	--	--	--	--	--

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay của giảng viên

5.2. Tài liệu tham khảo

- Đào Thị Minh An (2020), *Giáo trình Dịch tễ học một số bệnh phổ biến*. Nhà xuất bản Y học.
- Roberts S.L. (2019) Emerging and Re-emerging Diseases. In: Romaniuk S., Thapa M., Marton P. (eds) *The Palgrave Encyclopedia of Global Security Studies*. Palgrave Macmillan, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-74336-3_531-1
- World Health Organization. Regional Office for South-East Asia. (2014). A brief guide to emerging infectious diseases and zoonoses. WHO Regional Office for South-East Asia. <https://apps.who.int/iris/handle/10665/204722>
- National Institutes of Health (US) (2007); Biological Sciences Curriculum Study.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS.TS.Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS.Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng	nttthao@hpmu.edu.vn
3	BSCKII.Nguyễn Duy Hùng	Trung tâm CDC	

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS. Phạm Minh Khuê

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dân số và phát triển	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành x Tự chọn ☐ Ngành
Khoa phụ trách: Khoa Y tế công cộng Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0903 267 059	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	60	30	30	75
Số buổi	15	8	7	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Dân số và phát triển giúp học viên phân tích mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình. Điều này cũng cho thấy vị trí quan trọng của công tác DS-KHHGD đối với chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình, mỗi địa phương và toàn xã hội. Học phần cũng giới thiệu cho học viên một số nội dung quản lý nhà nước về dân số – KHHGD. Những kiến thức và kỹ năng được đề cập trong học phần sẽ được áp dụng trong thực tế công việc sau này của người cán bộ y tế nói chung và cán bộ y tế hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng nói riêng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Phân tích được mối quan hệ nhân - quả giữa dân số với kinh tế, dân số với xã hội, dân số với môi trường cả ở cấp độ toàn cầu, mỗi quốc gia cho đến các địa phương và cấp độ gia đình	PLO1. Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới.
CLO2	Lồng ghép được các biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển trong công tác y tế dự phòng	PLO2: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. PLO4: Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng, lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên và lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng
CLO3	Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề của cộng đồng.	PLO9: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia ở lĩnh vực YHDP

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:
 - o Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LTx2 + THx1) / 3$$

+ Lý thuyết:

- Hình thức: thi tự luận
- Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.
- Cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (50,0%)	0	0	0	1	0	1
CLO2 (50,0%)	0	0	0	1	0	1
Tổng	0	0	0	2	0	2

+ Thực hành: học viên đi thực hành tại Chi cục dân số và viết tiểu luận báo cáo thực hành cá nhân.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO1 (50%)	-	-	x	-
CLO2 (50%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	2	0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1. Nhập môn dân số và phát triển LLO1. Trình bày được các khái niệm về: Dân số phát triển và phát triển bền vững. LLO2. Hiểu đúng đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu LLO3. Diễn giải được ý nghĩa của môn học	4		8	CLO1 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
Bài 2. Dân số và kinh tế LLO1. Trình bày được mối quan hệ giữa dân số và lao động, giữa dân số và việc làm. LLO2. Phân tích được mối quan hệ gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số và sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế. LLO3. Phân tích được tác động của chính sách dân số đến phát triển kinh tế.	6	4	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Thực tập tại Chi cục dân số
Bài 3. Dân số và các vấn đề xã hội LLO1. Phân tích những tác động của dân số đến số lượng và chất lượng của hệ thống giáo dục, y tế và ngược lại. LLO2. Phân tích khái niệm về giới, giới tính, bình đẳng giới; phân biệt sự khác nhau giữa giới và giới tính. LLO3. Phân tích mối liên quan giữa giới và phát triển, ảnh hưởng của gia tăng dân số đối với bình đẳng giới và ảnh hưởng của bình đẳng giới với phát triển dân số.	6	4	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số

Bài 4. Dân số và tài nguyên môi trường LLO1.Trình bày nguyên lý sự tác động của dân số đến bảo vệ tài nguyên và môi trường. LLO2. Phân tích vấn đề môi trường bị suy thoái và ngày càng ô nhiễm nặng nề do tác động của các quá trình phát triển dân số. LLO3.Trình bày giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ Dân số - Môi trường	6	6	12	CLO1 CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số
Bài 5. Lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa LLO1.Trình bày được thế nào là lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển. LLO2. Trình bày được các thành phần cơ bản của biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển. LLO3. Phân tích được sự cần thiết và phương pháp lồng ghép biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển.	8	16	16	CLO2 CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Thực tập tại Chi cục dân số
Tổng	30	30	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Y học xã hội (2022). Dân số phát triển. Tài liệu dành cho Ths Y HỌC DỰ PHÒNG và YTCC.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tổng cục dân số KHHGD (2015), Tài liệu dân số và phát triển. Tài liệu dung cho các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số-Kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số. <https://population.edu.vn/wp-content/uploads/2021/06/TL-DSPT.pdf>

[3] Trường Đại học Y dược Hải Phòng (2021), Giáo trình Dân số học, NXB Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn
2	BS. CKII. Trần Thị Bích Hồi	Khoa YTCC	ttbhoi@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu.
- Giảng đường.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Thị Thúy Hà

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Đức Cường

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THÂM HOẠ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Biến đổi khí hậu và thảm họa	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng	
Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Chuyên ngành ☐ Cơ sở ngành ☐ Tự chọn ☐ Ngành
Đơn vị phụ trách phụ trách: Bộ môn Sức khỏe môi trường Email liên hệ: ntmngoc@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0934 433 789	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	
Số tiết	60	30	30	0	45
Số buổi	16	8	8	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Sức khỏe môi trường, Dịch tễ học, Một sức khỏe
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Biến đổi khí hậu và thảm họa được xem là một thách thức ở quy mô toàn cầu trong hơn 30 năm qua và sẽ tiếp tục tác động lên sức khỏe con người, động vật và môi trường. Việt Nam được đánh giá là một trong 5 quốc gia dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa. Hiểu được quá trình, tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa đối với sức khỏe cộng đồng cũng như đánh giá được tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế là rất cần thiết đối với những cán bộ làm việc trong lĩnh vực Y tế công cộng tại các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Mục tiêu của học phần nhằm cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng giúp học viên xác định, đánh giá tác động của

biến đổi khí hậu và thảm họa, đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế cũng như đưa ra các giải pháp ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu và thảm họa ở các cấp nhằm giảm tác động của chúng đến sức khỏe cộng đồng đồng thời góp phần xây dựng môi trường sống an toàn hơn.

Các khái niệm then chốt

- Biến đổi khí hậu
- Hiểm họa
- Thảm họa
- Tính dễ bị tổn thương
- Tính thích ứng
- Nguy cơ
- Khả năng/sự chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

CĐRH	Mô tả CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Giải thích các khái niệm cơ bản và hậu quả của biến đổi khí hậu, thảm họa đến môi trường và sức khỏe	PLO1: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Y học dự phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Phân tích các bước đánh giá nguy cơ và tính dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu và thảm họa	PLO1: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Y học dự phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO3	Phát triển dự thảo lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa từ kết quả đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng của ngành Y tế với biến đổi khí hậu, thảm họa.	PLO2: Xác định và lập kế hoạch hoạt động chuyên môn để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
CLO4	Phát triển dự thảo báo cáo đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa	PLO2: Xác định và lập kế hoạch hoạt động chuyên môn để giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.

CLO5	Thể hiện sự chủ động, nghiêm túc và cập nhật trong học tập và thực hành nghề nghiệp.	PLO5. Tuân thủ các quy định, luật pháp và y đức tại trường học và tại các cơ sở thực hành.
------	--	--

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần: gồm lượng giá quá trình (chuyên cần), lượng giá lý thuyết và lượng giá thực hành

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
 - o Tham gia các buổi học lý thuyết, nghỉ không quá 20%
 - o Tham gia đầy đủ buổi thực hành, bài tập nhóm
 - o Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tập nhóm
- Thời gian: trong suốt quá trình học

b) Lượng giá lý thuyết

- Hình thức: thi viết (3 câu)
- Thời gian: sau khi kết thúc chương trình học ít nhất 2 tuần.
- Cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Tổng
CLO1		2			2
CLO2			1		1
Tổng		2	1		3

c) Lượng giá thực hành: trình bày báo cáo SBL theo nhóm

- Hình thức: báo cáo SBL của từng bài thực hành
- Thời gian: sau khi học viên học xong từng bài thực hành
- Điểm lượng giá thực hành được tính bằng trung bình cộng các bài thực hành trong chương trình học
- Ma trận lượng giá thực hành:

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (50%)			1 (50%)	
CLO4 (50%)			1 (50%)	
Tổng			2 (100%)	

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} + \text{TH})/2$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung/Tên bài	Số tiết			CĐR học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH	Tự học		
A	Lý thuyết					
1.	Tổng quan về biến đổi khí hậu và ảnh hưởng sức khỏe	4		8	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận nhóm
2.	Đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Y tế.	8		16	CLO2	Thuyết trình; SBL
3.	Quản lý thảm họa và đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa	6		12	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận nhóm
4.	Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu	6		12	CLO2	Thuyết trình; SBL
5.	Lập kế hoạch ứng phó với thảm họa	6		12	CLO2	Thuyết trình; SBL
	Thực hành					
1.	Thảo luận về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe.		6	12	CLO3	SBL
2.	Thảo luận về đánh giá tính dễ bị tổn thương và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành Y tế.		8	16	CLO3	SBL
3.	Đánh giá nhanh nhu cầu y tế trong thảm họa		6	12	CLO4	SBL; Đóng vai
4.	Lập kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa		8	16	CLO4	SBL; Đóng vai
	Tổng	30	30	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- [1] Tài liệu học tập về biến đổi khí hậu và thảm họa sử dụng cho học viên cao học YTCC do Bộ môn Sức khỏe môi trường biên soạn

5.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2017. Quyết định số 672/QĐ-BTNMT Ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016-2020. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- [2] Thủ tướng Chính phủ, 2020. Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. (Ban hành kèm theo Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ). Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050
- [3] Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2022. Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- [4] Bộ Y tế, 2018. Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.
- [5] Kristie Ebi et al. 2012. Protecting Health from Climate Change: Vulnerability and Adaptation Assessment. World Health Organisation.
- [6] Tran Thi Tuyet Hanh, Le Thi Thanh Huong, Nguyen Thi Lien Huong et al, 2020. Vietnam Climate Change and Health Vulnerability and Adaptation Assessment, 2018. Environmental Health Insights, June 22, 2020
- [7] McMichael, A.J., R.E. Woodruff, and S. Hales, *Climate change and human health: Present and future risks* The Lancet, 2006. 367(859–869).
- [8] D.T.T. Toan, et al., *Risk factors associated with an outbreak of dengue fever/dengue haemorrhagic fever in Hanoi, Vietnam*. Epidemiological Infection, 2014: p. 1-5.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

6.1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. Dương Thị Hương	ĐH Y Dược Hải Phòng	dthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc	ĐH Y Dược Hải Phòng	ntmngoc@hpmu.edu.vn

6.2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS Nguyễn Quang Đức	ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng
2	ThS Bùi Thị Hương	ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu,
- Giảng đường, phấn, bảng,
- Cơ sở thực hành:

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang

QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Quản lý bệnh viện		
Mã học phần:		
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Y học dự phòng		
Loại học phần: Bắt buộc ☒ Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương Cơ sở ngành Ngành	Chuyên ngành ☒ Tự chọn
Khoa phụ trách: Khoa Y tế công cộng		
Email liên hệ: tttha@hpmu.edu.vn		
Điện thoại liên hệ: 0903 267 059		

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	
Số tiết	60	30	30	75
Số buổi	16	8	8	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Quản lý bệnh viện (hospital management) là thuật ngữ nói về việc điều hành, vận hành nguồn tài nguyên của bệnh viện như: quy chế, chính sách, chế độ của bệnh viện, luật khám chữa bệnh, bảo hiểm, chuyên môn y tế, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, hạ tầng cơ sở, trang thiết bị y tế, công nghệ quản trị,... tất cả làm sao cho bệnh viện đạt được tăng trưởng bền vững và tốt nhất. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về quản lý bệnh viện, các lĩnh vực chính trong quản lý, những kỹ năng cần có trong công tác quản lý tại đơn vị công tác.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
--------------	--------------------	--------------

CLO1	Hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động của đơn vị công tác và hệ thống luật pháp, y đức liên quan đến đơn vị công tác	PLO1. Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới. PLO2. Vận dụng được kiến thức chuyên ngành y học dự phòng trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
CLO2	Tham gia quản lý các nguồn lực của đơn vị công tác	PLO1. Xác định được quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và định hướng phát triển chuyên ngành trong nước và trên thế giới. PLO5: Giám sát, đánh giá các hoạt động của chương trình y tế triển khai tại cộng đồng. PLO6: Phát hiện, tổ chức phòng chống, kiểm soát và giám sát dịch bệnh tại địa phương có hiệu quả.
CLO3	Lập kế hoạch và đánh giá kế hoạch (kế hoạch chiến lược, kế hoạch thường kỳ hoặc kế hoạch can thiệp) tại đơn vị công tác	
CLO4	Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn thông tin y tế tại đơn vị công tác/ bệnh viện	
CLO5	Sẵn sàng ứng dụng kiến thức chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của công việc và giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng.	PLO10: Quản lý, đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn YHDP PLO11: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực YHDP

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá quá trình

- Hình thức:

- Điểm danh: học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành

- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá quá trình.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (LT*2 + TH)/ 3$$

- Hình thức:

+ Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc: đề thi gồm 2 câu, cấu trúc đề thi theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Tổng
CLO1 (50%)	0	1	0	0	0	1
CLO2 (50%)	0	1	0	0	0	1
Tổng	0	2	0	0	0	2

+ Thực hành: học viên đi thực hành và viết báo cáo thực hành cho mỗi buổi theo nhóm.

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (40%)	-	-	x	-
CLO4 (30%)	-	-	x	-
CLO5 (30%)	-	-	x	-
Tổng	0	0	3	0

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
Bài 1: Tổng quan về quản lý và quản lý bệnh viện LLO1. Trình bày được khái niệm và chức năng quản lý LLO2. Mô tả được các loại hình bệnh viện, các lĩnh vực quản lý trong bệnh viện LLO3. Diễn giải được năng lực cần có của cán bộ lãnh đạo, quản lý BV	4		8	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm
Bài 2. Quản lý chiến lược LLO1. Giải thích được khái niệm chiến lược, quản lý chiến lược và các cấp độ quản lý chiến lược LLO2. Giải thích được các bước lập và thực hiện kế hoạch chiến lược	4	4	8	CLO1	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm

LLO3. Phân tích tình huống và ma trận SWOT					- Phân tích tình huống
Bài 3. Quản lý thông tin LLO1. Trình bày được khái niệm thông tin và hệ thống thông tin LLO2. Mô tả được thành phần, phân loại hệ thống thông tin LLO3. Phân tích được thách thức của hệ thống thông tin bệnh viện	4	4	8	CLO5	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 4. Tổng quan Lập kế hoạch LLO1. Trình bày được khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch LLO2. Mô tả được các cách lập kế hoạch LLO3. Mô tả và thực hành được các bước lập kế hoạch	4	4	8	CLO4	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 5. Kỹ năng quản lý xung đột LLO1. Giải thích được khái niệm và các loại xung đột LLO2. Phân tích được nguyên nhân của xung đột trong tình huống cụ thể LLO3. Áp dụng được các chiến lược giải quyết xung đột	3	6	6	CLO2	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 6. Kỹ năng tổ chức cuộc họp LLO1. Hiểu được sự cần thiết tổ chức một cuộc họp hiệu quả LLO2. Phân tích và áp dụng được các bước để tổ chức một cuộc họp hiệu quả	3	4	6	CLO2	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Bài 7. Tổng quan quản lý chất lượng bệnh viện LLO1. Trình bày được khái niệm chất lượng và quản lý chất lượng toàn diện. LLO2. Phân tích được 5 yếu tố cấu thành chất lượng.	4	4	8	CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận

LLO3. Trình bày quy trình thực hiện quản lý chất lượng toàn diện.					- Phân tích tình huống
Bài 8. Quản lý nhân lực bệnh viện LLO1. Xác định vai trò của nhân lực y tế trong hệ thống y tế LLO2. Phân tích các chức năng chính của quản lý nhân lực trong hệ thống y tế LLO3. Phân tích chức năng của QLNLTYT tại các cơ sở y tế	4	4	8	CLO3	- Thuyết trình - Thảo luận - Phân tích tình huống
Tổng	30	30	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Khoa Y tế công cộng (2022). Giáo trình Quản lý bệnh viện. Tài liệu học tập cho Thạc sĩ Y học dự phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quản lý bệnh viện (2014). Tài liệu đào tạo liên tục. Bộ y tế. Nhà xuất bản Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Trần Thị Thúy Hà	Khoa YTCC	tttha@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thùy Linh	Khoa YTCC	ntthuylinh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu.
- Giảng đường.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Thị Thúy Hà

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Giang